



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

4

Tháng 2 - 2013

Hội nghị Tổng kết hoạt động năm 2012 và phương hướng hoạt động năm 2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường BĐS

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2013



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu tại Hội nghị



Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải và Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng điều hành Hội nghị

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BỐN

4

SỐ 4 - 2/2013



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính Phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng 5
- Quyết định số 339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 8
- Quyết định số 318/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp 12
- Quyết định số 270/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 13

Văn bản của địa phương

- Chỉ thị số 04/2013/CT-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh 15
- Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế 16

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN.ĐỖ KIM NHẠM

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Phương pháp khôi phục và tăng cường lớp bảo vệ bằng bê tông trên mặt ngoài các kết cấu bao che 19
- Tính chất của bê tông đóng rắn trong điều kiện khí hậu nóng ẩm 21
- Các biện pháp chính để tăng cường công tác quản lý tại công trường thi công 23
- Phát triển thành phố Trung Quốc trong làn sóng đô thị hóa 25
- Nguyên tắc và phương pháp thiết kế cảnh quan khu bến nước Nam Dương 30
- Trung Quốc lên kế hoạch giảm xây dựng “Nhà xám”, tăng xây dựng “Nhà xanh” 35

Thông tin

- Hội nghị Tổng kết hoạt động năm 2012 và phương hướng hoạt động năm 2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản 37
- Bệnh viện Xây dựng kỷ niệm 58 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam 39
- Triển vọng phát triển của thành phố Moskva mở rộng - nhìn từ góc độ giao thông đô thị 41
- Tỉnh Hà Nam, Trung Quốc: 5 trọng điểm thúc đẩy xây dựng cộng đồng nông thôn mới 43
- Ý tưởng quy hoạch và xây dựng đường cao tốc ở thành phố Bắc Hải, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc 47



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính Phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Ngày 06/02/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2013/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; quy định về quản lý an toàn, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng, khai thác và sử dụng công trình xây dựng; quy định về bảo hành công trình xây dựng.

Nghị định này quy định nguyên tắc chung trong quản lý chất lượng công trình xây dựng. Theo đó, công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình phải đảm bảo an toàn cho bản thân công trình và các công trình lân cận, đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng và tuân thủ các quy định của Nghị định này. Công trình, hạng mục công trình chỉ được nghiệm thu để đưa vào sử dụng khi đáp ứng được các yêu cầu của thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của chủ đầu tư theo nội dung của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc thực hiện, có hệ thống quản lý chất lượng và chịu trách nhiệm về chất lượng các công việc xây dựng do mình thực hiện trước chủ đầu tư và trước pháp luật. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng phù hợp với tính chất, quy mô và nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Nghị định này. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định của Nghị định này và quy

định của pháp luật có liên quan. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình, kiểm tra, giám định chất lượng công trình xây dựng, kiến nghị và xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bắt buộc phải được tuân thủ trong hoạt động xây dựng. Tiêu chuẩn được áp dụng trong hoạt động xây dựng theo nguyên tắc tự nguyện, ngoại trừ các tiêu chuẩn được viện dẫn trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc có quy định bắt buộc phải áp dụng tại văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình phải được người quyết định đầu tư xem xét và chấp thuận trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và chỉ được thay đổi khi có sự chấp thuận của người quyết định đầu tư. Việc áp dụng tiêu chuẩn phải phù hợp với các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan; phải đảm bảo tính đồng bộ, tính khả thi của hệ thống tiêu chuẩn được áp dụng. Chỉ dẫn kỹ thuật là cơ sở để lập hồ sơ mời thầu, thực hiện giám sát, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt và yêu cầu của thiết kế xây dựng công trình. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II, bắt buộc thực hiện lập chỉ dẫn kỹ thuật. Đối với các công trình còn lại, chỉ dẫn kỹ thuật có thể được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế xây dựng công trình.

Về quản lý chất lượng khảo sát xây dựng, Nghị định này quy định trình tự thực hiện: Lập và phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng; lựa chọn nhà thầu khảo sát xây dựng; lập và phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng; thực hiện khảo sát xây dựng; giám sát công tác khảo sát xây dựng; nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng; lưu trữ kết quả khảo sát xây dựng. Nhà thầu khảo sát xây dựng có trách nhiệm lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư, lập phương án kỹ thuật khảo sát phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng và các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng; bố trí cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát, cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng, tổ chức tự giám sát trong quá trình khảo sát; thực hiện khảo sát theo phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt, sử dụng thiết bị, phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và phù hợp với công việc khảo sát; bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực khảo sát; bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát, phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát; lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng và hợp đồng, kiểm tra, khảo sát lại hoặc khảo sát bổ sung khi báo cáo kết quả khảo sát xây dựng không phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình hoặc không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát.

Nghị định này quy định việc quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình phải được thực hiện theo trình tự: Lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình; lựa chọn nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; lập thiết kế xây dựng công trình; thẩm định thiết kế của chủ đầu tư, thẩm tra thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc của tổ chức tư vấn (nếu có); phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; nghiệm

thu thiết kế xây dựng công trình. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình trên cơ sở báo cáo đầu tư xây dựng công trình hoặc chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lựa chọn tổ chức, cá nhân đảm bảo điều kiện năng lực để lập thiết kế và thẩm tra thiết kế xây dựng công trình khi cần thiết; kiểm tra việc tuân thủ các quy định trong hợp đồng xây dựng của nhà thầu thiết kế, nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có) trong quá trình thực hiện hợp đồng; kiểm tra và trình thiết kế cơ sở cho người quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước; tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán theo các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện thay đổi thiết kế theo quy định và tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế, cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định để làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế; sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng được yêu cầu của bước thiết kế và phù hợp với tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình; tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, lập hồ sơ thiết kế đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế, nội dung của từng bước thiết kế, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế 3 bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế 1 bước, 2 bước và các thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở. Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công cùng với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình đối với trường hợp thực hiện thiết kế 1 bước, phê duyệt thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế 3 bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế 2 bước, hoặc thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở. Thiết

kế bản vẽ thi công phải được chủ đầu tư hoặc đại diện được ủy quyền của chủ đầu tư xác nhận trước khi đưa ra thi công. Đối với các công trình bí mật nhà nước, công trình theo lệnh khẩn cấp và công trình tạm, việc thẩm định, phê duyệt thiết kế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Nghị định này quy định các trường hợp được thay đổi thiết kế xây dựng công trình đã phê duyệt. Cụ thể, khi dự án đầu tư xây dựng công trình được điều chỉnh có yêu cầu phải thay đổi thiết kế; trong quá trình thi công xây dựng công trình phát hiện thấy những yếu tố bất hợp lý nếu không thay đổi thiết kế sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công trình, tiến độ thi công xây dựng, biện pháp thi công và hiệu quả đầu tư của dự án. Đối với công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước, khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi địa điểm, quy hoạch xây dựng, mục tiêu, quy mô hoặc làm vượt tổng mức đầu tư đã được duyệt của công trình thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt lại nội dung điều chỉnh. Trường hợp còn lại, chủ đầu tư được quyền quyết định thay đổi thiết kế. Những nội dung điều chỉnh thiết kế phải được thẩm định, thẩm tra, phê duyệt lại theo quy định. Nhà thầu thiết kế có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hoặc thay đổi các thiết kế bất hợp lý do lỗi của mình gây ra và có quyền từ chối những yêu cầu điều chỉnh thiết kế bất hợp lý của chủ đầu tư. Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu thiết kế khác thực hiện sửa đổi, bổ sung thay đổi thiết kế trong trường hợp nhà thầu thiết kế ban đầu không thực hiện các việc này. Nhà thầu thiết kế thực hiện sửa đổi, bổ sung thay đổi thiết kế phải chịu trách nhiệm về những nội dung do mình thực hiện.

Việc quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình cần thực hiện theo trình tự: Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình; lập và phê duyệt biện pháp thi công; kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình và báo cáo

cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định trước khi khởi công; tổ chức thi công xây dựng công trình và giám sát, nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng; kiểm định chất lượng công trình, hạng mục công trình trong các trường hợp quy định tại Nghị định này; kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng hoàn thành trước khi đưa vào sử dụng; nghiệm thu hạng mục công trình hoặc công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng; lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng, lưu trữ hồ sơ của công trình theo quy định. Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình, thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình và các công việc tư vấn xây dựng khác; kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng; kiểm tra việc huy động và bố trí nhân lực của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình so với yêu cầu của hợp đồng xây dựng; kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình; thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu; tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng; tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng; tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn... Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc quản lý chất lượng công trình xây dựng; phân định trách nhiệm quản lý

chất lượng công trình xây dựng giữa các bên trong trường hợp áp dụng hình thức tổng thầu thi công xây dựng công trình, tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình, tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình, tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình và các hình thức tổng thầu khác; lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình, tiến độ thi công; thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu của thiết kế và của hợp đồng xây dựng...

Nghị định này quy định nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm bảo hành công trình, bảo hành thiết bị. Thời hạn bảo hành công trình kể từ ngày chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng

hoặc căn cứ theo quy định của Hợp đồng xây dựng, Hợp đồng cung ứng thiết bị. Trong thời hạn bảo hành, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình phải thực hiện việc bảo hành sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải thỏa thuận trong hợp đồng với các nhà thầu tham gia xây dựng công trình về quyền và trách nhiệm của các bên trong bảo hành công trình xây dựng, mức tiền bảo hành và việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định phân loại, phân cấp, báo cáo, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; đồng thời quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương về chất lượng công trình xây dựng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2013.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020

Ngày 19/02/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 với mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập hệ thống đòn bẩy khuyến khích hợp lý, ổn định và dài hạn, nhất là ưu đãi về thuế và các biện pháp khuyến khích đầu tư khác, thúc đẩy phân bố và sử dụng nguồn lực

xã hội chủ yếu theo cơ chế thị trường vào các ngành, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động, năng suất các yếu tố tổng hợp và năng lực cạnh tranh; hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở cải thiện, nâng cấp trình độ phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế, phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng cao từng bước thay thế các ngành công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp để trở thành các ngành kinh tế chủ lực; từng bước củng cố nội

lực của nền kinh tế, chủ động hội nhập quốc tế và củng cố vị thế quốc gia trên trường quốc tế, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Quyết định này nêu rõ định hướng tái cơ cấu một số lĩnh vực chủ yếu như: Duy trì môi trường kinh tế vi mô thuận lợi, ổn định; thực hiện quyết liệt, hiệu quả các trọng tâm tái cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành sản xuất, dịch vụ, điều chỉnh chiến lược thị trường, tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của nền kinh tế; tiếp tục tái cơ cấu, xây dựng và phát triển cơ cấu vùng kinh tế hợp lý.

Đề án đề ra 10 giải pháp để thực hiện tái cơ cấu kinh tế, bao gồm: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của môi trường kinh doanh quốc gia; Nâng cao chất lượng quy hoạch, gắn chiến lược với quy hoạch, kế hoạch, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch; Đổi mới cơ chế, chính sách huy động, phân bổ, sử dụng vốn đầu tư; Tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng, trọng tâm là các ngân hàng thương mại; Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, nâng cao chất lượng doanh nghiệp tư nhân; Thực hiện hiệu quả các chương trình đồng bộ hỗ trợ phát triển các cụm sản xuất liên ngành, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, nâng cao hiệu quả và liên kết giữa các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế; Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng quy mô, hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và bền vững kết hợp với xây dựng nông thôn mới; Phát huy lợi thế của từng vùng, chuyển đổi và hình thành cơ cấu vùng kinh tế hợp lý, đa dạng về ngành, nghề và trình độ phát triển; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tạo điều kiện thuận lợi cho tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; và Phát triển khoa học công nghệ thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của môi trường kinh doanh quốc gia, Bộ Tư pháp căn rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến các lĩnh vực đột phá chiến lược, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới kết hợp với tăng cường hiệu quả, hiệu lực tổ chức triển khai thực hiện; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý vững chắc thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế; nâng cao chất lượng xây dựng các dự án Luật, Pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thẩm định đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát chặt chẽ và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về môi trường kinh doanh. Các Bộ Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển lành mạnh, bền vững thị trường bất động sản theo hướng bảo đảm phát triển các khu đô thị, các dự án kinh doanh bất động sản phù hợp với quy hoạch được duyệt và nhu cầu của thị trường, có cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích phát triển nhà ở xã hội, cải thiện điều kiện nhà ở cho nhân dân, trước hết là người nghèo, đối tượng chính sách ở các đô thị; đối với các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, chỉnh trang đô thị, thực hiện quy hoạch cả phần diện tích đất bên cạnh công trình kết cấu hạ tầng, vùng phụ cận để thu hồi đất, tạo nguồn lực từ đất đai đầu tư cho các công trình này, hỗ trợ hợp lý người có đất bị thu hồi và tăng thu ngân

sách nhà nước; rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý quy hoạch, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch sử dụng đất, nghiên cứu và có giải pháp phù hợp để thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản, tạo thuận lợi cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất; trong giai đoạn 2013 - 2020, tập trung xử lý tồn kho về bất động sản, điều chỉnh cơ cấu nguồn cung phù hợp với nhu cầu thực tế của nhân dân về nhà ở, nhất là phân khúc thị trường nhà ở xã hội, rà soát, đánh giá và phân loại các dự án đô thị và nhà ở, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục chuyển đổi, điều chỉnh cơ cấu dự án, quy mô căn hộ, tạo điều kiện hạ giá thành sản phẩm xây dựng phù hợp với nhu cầu có khả năng thanh toán của dân cư, nhất là các nhu cầu về nhà ở xã hội. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách quản lý ngoại tệ và vàng, triển khai đồng bộ các giải pháp khắc phục tình trạng đô la hóa nền kinh tế, giảm dần và tiến tới xóa bỏ việc sử dụng ngoại tệ, vàng làm phương tiện thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam, tập trung ngoại tệ vào hệ thống các tổ chức tín dụng; từng bước tự do hóa thận trọng các giao dịch vốn phù hợp với cam kết quốc tế, đồng thời bảo đảm kiểm soát có hiệu quả luồng chu chuyển ngoại tệ trong nền kinh tế và qua biên giới và các rủi ro liên quan đến các luồng vốn vào - ra; tổ chức quản lý chặt chẽ, đồng bộ và có hiệu quả các thị trường tiền tệ, đặc biệt là thị trường phái sinh tiền tệ, thị trường ngoại tệ và thị trường vàng để huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, bảo đảm các hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng được thực hiện một cách an toàn, lành mạnh và đúng pháp luật; đổi mới cơ chế phân bổ tín dụng đầu tư của Nhà nước theo hướng đảm bảo tiếp cận công bằng, bình đẳng và minh bạch đối với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế. Bộ

Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp lý về tài chính, ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các ngành, các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; nghiên cứu, xây dựng và thực hiện lộ trình cải cách phù hợp về chính sách phí sử dụng kết cấu hạ tầng theo hướng bảo đảm khả năng thu hồi chi phí đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho việc huy động vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài vào các dự án cơ sở hạ tầng; tái cơ cấu thị trường chứng khoán và các định chế tài chính liên quan theo hướng cơ cấu lại, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hàng hóa trên thị trường chứng khoán, cơ cấu lại cơ sở các nhà đầu tư theo hướng đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư, mở rộng cơ sở nhà đầu tư có tổ chức, chuyên nghiệp, sắp xếp lại các tổ chức kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bảo hiểm theo hướng nâng cao năng lực tài chính, chất lượng dịch vụ và phòng ngừa rủi ro, phát triển thị trường chứng khoán với tiêu chí niêm yết, giao dịch, công bố thông tin, hệ thống quản trị điều hành, quản trị rủi ro theo chuẩn mực chung và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục mở cửa thị trường các ngành, lĩnh vực kinh doanh độc quyền tự nhiên hoặc do các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thống lĩnh hoặc giữ thị phần chi phối, hạn chế dần và kiểm soát có hiệu quả vị thế độc quyền hoặc thống lĩnh thị trường của các doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực này, xem xét, theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, đẩy nhanh thực hiện lộ trình áp dụng cơ chế giá thị trường trong cung ứng các dịch vụ công, dịch vụ hạ tầng; tiếp tục kế thừa và phát huy kết quả Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, tiếp tục đột phá về đơn giản hóa và hợp lý hóa hệ thống thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực quản lý nhà nước như quản lý và sử dụng đất, đầu tư và xây dựng, hải

quan, thuế, quảng cáo, vận tải hàng hóa và xuất nhập khẩu, vệ sinh, an toàn thực phẩm; tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về doanh nghiệp, tiếp tục nâng cao chất lượng, đơn giản hóa thủ tục và giảm chi phí đăng ký doanh nghiệp.

Để nâng cao chất lượng quy hoạch, gắn chiến lược với quy hoạch, kế hoạch, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch, các Bộ, cơ quan quản lý ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương; đổi mới, nâng cao tính liên kết, đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất; thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng xây dựng, bảo đảm chế tài thực hiện các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch đô thị, tăng cường tính công khai, minh bạch đối với các loại quy hoạch; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy hoạch ở các Bộ, cơ quan, địa phương, nhất là sự kết hợp giữa quy hoạch vùng với quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; tổng hợp, báo cáo về công tác quy hoạch, tình hình triển khai các quy hoạch và kịp thời đề xuất với cấp có thẩm quyền xử lý những tồn tại trong công tác quản lý và thực hiện quy hoạch.

Để đổi mới cơ chế, chính sách huy động, phân bổ, sử dụng vốn đầu tư, cần thực hiện quyết liệt, hiệu quả tái cơ cấu đầu tư công; đổi mới cơ chế huy động nguồn lực, chế độ ưu đãi, khuyến khích đầu tư, cơ chế quản lý đầu tư, mở rộng cơ hội thu hút đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư nước ngoài; tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và bảo đảm chất lượng các dự án đầu tư nước ngoài.

Để tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng, trọng tâm là các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương thực hiện đầy đủ, nhất quán và có hiệu quả các giải pháp theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015”. Để tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, nâng cao chất lượng doanh nghiệp tư nhân, cần thực hiện mạnh mẽ, nhất quán tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; thực hiện các chương trình quốc gia về phát triển, nâng cao chất lượng các doanh nghiệp dân doanh; từng bước đổi mới và chuyển đổi mô hình phát triển doanh nghiệp dựa trên các trụ cột gồm thị trường và sản phẩm mục tiêu, khoa học công nghệ, nhân lực, vốn và đất đai. Để thực hiện hiệu quả các chương trình đồng bộ hỗ trợ phát triển các cụm sản xuất liên ngành, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, nâng cao hiệu quả và liên kết giữa các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế, các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao cần thực hiện các chương trình đồng bộ hỗ trợ phát triển các cụm sản xuất liên ngành đối với sản phẩm ưu tiên phát triển với sự chỉ đạo tập trung, thống nhất từ Trung ương; rà soát, thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển từng ngành, từng vùng kinh tế, liên kết ngành, liên kết vùng...

Ngoài ra, Quyết định này còn quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, các cơ quan ngang Bộ và các cơ quan liên quan trong công tác triển khai thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 318/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp

Ngày 07/02/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 318/QĐ-TTg ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1716/QĐ-TTg ngày 13/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định này quy định hoạt động của Ban Chỉ đạo (BCĐ) nhằm nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giải quyết các vấn đề quan trọng, liên ngành liên quan tới hoạt động của các khu kinh tế, KCN, CCN và các mô hình tương tự. Cụ thể, Văn phòng Chính phủ có nhiệm vụ giúp Trưởng BCĐ thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành BCĐ theo kế hoạch công tác được duyệt, báo cáo, tham mưu Thủ tướng Chính phủ và Trưởng BCĐ giải quyết các đề xuất, kiến nghị của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo. Bộ Tài chính có nhiệm vụ báo cáo Trưởng BCĐ thực trạng triển khai cơ chế, chính sách thuế, tài chính, ưu đãi đối với khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự, tham mưu cho Trưởng BCĐ giải quyết các vướng mắc về thuế, tài chính, ưu đãi tài chính đối với hoạt động của khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự. Bộ Nội vụ có nhiệm vụ tham mưu cho Trưởng BCĐ các biện pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự từ Trung ương đến địa phương. Bộ Xây dựng có nhiệm vụ báo cáo thực hiện quy hoạch xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự, tham mưu các biện pháp xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự gắn với phát triển đô thị, nhà ở, các công trình tiện nghi, tiện ích phục vụ doanh nghiệp và người lao động. Bộ Công thương có nhiệm vụ tham mưu

cho Trưởng BCĐ cơ chế, chính sách, giải pháp quy hoạch ngành sản xuất hợp lý trong khu kinh tế, KCN, CCN và các mô hình tương tự, nâng cao tính liên kết ngành sản xuất trong khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự; báo cáo, tham mưu cho Trưởng BCĐ các vấn đề quản lý Nhà nước đối với cụm công nghiệp và quản lý Nhà nước về khu kinh tế, KCN và các mô hình tương tự trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Bộ Khoa học và Công nghệ tham mưu cho Trưởng BCĐ các cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, nâng cao hàm lượng công nghệ các ngành sản xuất trong khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự; báo cáo tình hình triển khai áp dụng danh mục công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở phù hợp với thực tế các ngành, lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, an ninh lương thực trong phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có nhiệm vụ báo cáo tình hình giải quyết việc làm, đời sống của người lao động trong khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự; tham mưu các cơ chế, chính sách, công tác đào tạo nghề, giải pháp tạo việc làm, bảo đảm điều kiện làm việc, sinh sống của người lao động, giải quyết tranh chấp lao động khu kinh tế, khu công nghiệp và các mô hình tương tự.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 270/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050

Ngày 31/01/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 270/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 với quan điểm gắn kết thành phố Vinh với các khu vực khác của tỉnh Nghệ An, vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh, vùng Bắc Trung Bộ và cả nước, nhằm phát huy lợi thế về địa lý, điều kiện tự nhiên, truyền thống văn hóa, lịch sử và nguồn lực của thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An; phát triển thành phố Vinh thành đô thị hiện đại, phát triển bền vững, giàu bản sắc, có khả năng cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng, chủ trương của Đảng, Nhà nước và tỉnh Nghệ An; phát triển thành phố Vinh đảm bảo tôn trọng và phát huy các giá trị truyền thống, các di sản văn hóa, lịch sử và cách mạng của địa phương, phòng chống thiên tai, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Quyết định này nêu rõ phát triển đô thị thành phố Vinh theo hướng hiện đại, tiên tiến, bền vững, mang đậm bản sắc quốc gia và vùng miền. Cụ thể, phải phát triển các trung tâm thành phố Vinh, Cửa Lò, Quán Hành, Hưng Nguyên, đồng thời liên kết giữa các khu vực, bao gồm Khu kinh tế Đông Nam. Thành phố Vinh cần tăng cường chức năng đô thị như chính trị, hành chính, thương mại - văn phòng, nhà ở, du lịch... xứng tầm đô thị trung tâm vùng Bắc Trung Bộ; mở rộng quy mô chức năng đô thị và phạm vi đô thị hóa; hướng mở rộng chủ yếu là hướng Đông Bắc. Thị xã Cửa Lò cần phát triển chức năng nghỉ dưỡng, giáo dục, phát triển thị xã Cửa Lò trở thành trung tâm về thể thao. Thị trấn Quán Hành cần phát triển theo

hướng trở thành đô thị cửa ngõ vào thành phố Vinh, nằm trong mối liên hệ với khu vực công nghiệp. Thị trấn Hưng Nguyên cần phát triển theo hướng là đô thị cửa ngõ của thành phố Vinh, có mối liên kết chặt chẽ với trung tâm thành phố Vinh.

Về định hướng phát triển không gian đô thị, cần xác định mô hình và hướng phát triển đô thị, xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị, xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng, xác định các vùng kiến trúc cảnh quan, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị..., đề xuất phương án thiết kế đô thị. Cụ thể, đối với khu vực công nghiệp, cần hình thành khu vực công nghiệp thân thiện với môi trường, phát huy lợi thế giao thông, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả công nghệ môi trường; phát triển trọng điểm sản xuất tiên tiến, có năng lực cạnh tranh quốc tế trên cơ sở liên kết với các khu kinh tế, các khu vực công nghiệp; nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch các khu vực công nghiệp trọng yếu như cụm công nghiệp Bắc Vinh, khu công nghiệp Năm Cấm, khu công nghiệp Hưng Tây... Đối với khu vực trung tâm công cộng, cần bố trí hệ thống lưu chuyển hàng hóa, trung tâm tài chính, trung tâm thương mại... đáp ứng chức năng đô thị loại I, trung tâm vùng Bắc Trung Bộ của thành phố Vinh. Ngoài ra, cần bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, di sản văn hóa, lịch sử của vùng, đồng thời hình thành mạng lưới du lịch; tạo dựng "đô thị đại học" thống nhất giữa đô thị với đại học; mở rộng chức năng y tế hình thành "đô thị có dịch vụ y tế chất lượng cao". Đối với khu vực nhà ở, cần đáp ứng việc

phát triển mở rộng đô thị, phát triển đô thị mới đồng thời với việc cải tạo chỉnh trang nhà ở hiện hữu. Đối với công viên trong đô thị, cần nghiên cứu bố trí công viên trong đô thị với quy mô cần thiết và vị trí thích hợp; điều chỉnh Công viên Thành Cổ Vinh, đồng thời nghiên cứu xây dựng Công viên thể dục thể thao tổng hợp của vùng Bắc Trung Bộ, hình thành mạng lưới nước và cây xanh dựa vào trồng rừng, cây xanh ở khu vực xung quanh thành phố Vinh.

Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cần xác định vị trí, quy mô đường ống thoát nước và xác định cốt nền xây dựng; xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng, tổ chức thu gom, xử lý nước thải, rác thải, vị trí, quy mô công trình đầu mối... Trên cơ sở các quy hoạch liên quan đã phê duyệt, nghiên cứu hợp lý tuyến giao thông đối ngoại, hoàn thiện hệ thống cầu qua sông Lam; nghiên cứu, bố trí hợp lý mối liên hệ giữa đường sắt và đường bộ với đường sắt cao tốc Bắc - Nam; nghiên cứu, xem xét vai trò cửa ngõ quốc tế của sân bay Vinh trong tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt; quy hoạch điều chỉnh chức năng cảng, kênh của khu vực, đặc biệt sau khi cảng nước sâu Cửa Lò được xây dựng; nghiên cứu mặt cắt đường và cảnh quan hai bên ứng với phân cấp đường; nghiên cứu phương án xây dựng giao thông ngầm và hệ thống đường trên cao; bố trí hợp lý hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, vận tải công cộng.

Theo Quyết định này, cần nghiên cứu xây dựng đề điều, sử dụng hồ điều hòa... đáp ứng mục nước quy hoạch với lượng mưa chu kỳ 100 năm; đề xuất các giải pháp tiêu thoát nước tối ưu; kết hợp với việc mở rộng quy mô quy hoạch, đảm bảo tuyến cấp nước song song với việc bổ sung, mở rộng nguồn cấp nước, trạm cấp nước; kết hợp với việc mở rộng quy mô quy hoạch, đảm bảo tuyến bằng các giải pháp như di dời trạm biến áp, sắp xếp, ngầm hóa đường dây;

đảm bảo hạ tầng thông tin liên lạc và quy mô tương ứng với việc mở rộng đô thị, tăng cường chức năng; đảm bảo tuyến thoát nước thải, mở rộng trạm xử lý nước thải; lập phương án quy hoạch thu gom và xử lý rác thải, sử dụng công nghệ hiện đại; tính toán nhu cầu nghĩa trang, đóng cửa nghĩa trang trong khu trung tâm thành phố, quy hoạch bố trí nghĩa trang công cộng có quy mô phù hợp; đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên đô thị, các vấn đề dân cư, xã hội, văn hóa và di sản; phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu; đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư, với hệ sinh thái tự nhiên; lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường; thiết lập các dự án trọng điểm cần thiết để xúc tiến thực hiện quy hoạch; kế thừa các chương trình, dự án đã được xác định, đề xuất điều chỉnh các quy hoạch không phù hợp; xác định nội dung phân kỳ xây dựng trong giai đoạn quy hoạch ngắn hạn; đề xuất khu thiết kế đô thị tổng thể bao gồm các trục, vùng kiểm soát phát triển, các công trình điểm nhấn, các vùng cảnh quan không gian mở; hướng dẫn thiết kế đô thị các vùng kiểm soát phát triển bao gồm phạm vi sử dụng đất, các trục tuyến kết nối, các công trình điểm nhấn, không gian mở, mật độ xây dựng, tầng cao. Thành phần và nội dung hồ sơ được thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị và các quy định hiện hành khác.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Chỉ thị số 04/2013/CT-UBND của Ủy ban nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường sử dụng vật
liệu xây không nung trong các công trình xây dựng
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 28/01/2013, UBND Thành phố Hồ Chí Minh (Tp. HCM) ban hành Chỉ thị số 04/2013/CT-UBND về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng trên địa bàn Tp. HCM nhằm đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển vật liệu xây không nung và triển khai thực hiện Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng.

Cụ thể, UBND Tp. HCM yêu cầu Sở Xây dựng thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

Về sản xuất vật liệu xây không nung, thu hút, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong các khu công nghiệp, sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường, để sản xuất các loại vật liệu xây không nung đáp ứng nhu cầu thị trường như gạch xi măng - cốt liệu, vật liệu nhẹ (gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông khí không chưng áp, gạch bê tông bọt, tấm panel từ bê tông khí chưng áp), tấm tường thạch cao, tấm 3D, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu cho nhiều loại công trình xây dựng; định hướng các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây không nung trong việc: ưu tiên đầu tư các thiết bị, công nghệ sản xuất trong nước nhưng các thiết bị, công nghệ lựa chọn phải đảm bảo tiên tiến, phù hợp với các quy định về môi trường, tạo ra các sản phẩm đạt chất lượng, thực hiện khoanh vùng khu vực để phế thải tận dụng làm nguyên liệu sản xuất, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường theo quy định, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn,

tập huấn kỹ thuật thi công vật liệu xây không nung để nâng cao tính ứng dụng và phổ biến của sản phẩm, quản lý tốt chất lượng vật liệu xây dựng trước khi đưa lưu thông trên thị trường theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; xây dựng Quy định về quản lý và đầu tư phát triển vật liệu xây dựng trong đó bao gồm vật liệu xây không nung trình UBND thành phố ban hành; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân các thủ tục về lập dự án đầu tư và quản lý đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung theo quy định, đồng thời giới thiệu địa điểm sản xuất phù hợp tại các khu công nghiệp của thành phố hoặc tại các địa phương khác để các tổ chức, cá nhân thuận lợi trong việc lựa chọn, phát triển đầu tư.

Về kinh doanh vật liệu xây dựng, phải tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh, mở rộng mạng lưới phân phối, tiếp thị các loại vật liệu xây không nung theo định hướng của Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng Tp. HCM đến năm 2020; đảm bảo địa điểm kinh doanh, bày bán phải phù hợp với Quy định của UBND các quận, huyện về khu vực, đường phố, địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi đổ phế thải vật liệu xây dựng, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa và các quy định về thương mại.

Về sử dụng vật liệu xây không nung, cần phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng công trình tuân thủ việc sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng theo quy

định. Các công trình đã được cấp phép xây dựng hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật trước ngày 15/01/2013 thì thực hiện như giấy phép đã được cấp hoặc quyết định đã được phê duyệt, khuyến khích chủ đầu tư thay đổi thiết kế để sử dụng vật liệu xây không nung; khuyến khích các công trình xây dựng không phân biệt nguồn vốn, không phân biệt số tầng sử dụng vật liệu xây không nung có độ rỗng lớn hơn 30% và vật liệu xây không nung loại nhẹ; tổ chức quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước và các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên trên địa bàn thành phố. Cần xây dựng và công bố đơn giá xây dựng công trình sử dụng vật liệu xây không nung trên cơ sở định mức Bộ Xây dựng đã ban hành để các chủ đầu tư và đơn vị tư vấn tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi

phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố; quy định chi tiết trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây không nung phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tổ chức xem xét, đánh giá, xác nhận năng lực theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ để chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo quy định.

Ngoài ra, Chỉ thị này còn nêu rõ các yêu cầu UBND thành phố đề ra cho các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.hochiminhcity.gov.vn)

Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 05/01/2013, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quy định này nêu rõ địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang, thị xã Hương Trà, các khu công nghiệp được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và đặc biệt khó khăn (huyện Nam Đông, huyện A Lưới, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô). Dự án hỗ trợ đầu tư bao gồm các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng (khu công nghiệp (KCN), cụm công

nghiệp (CCN), khu công nghệ cao nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt); các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và dịch vụ tại các KCN, CCN, khu công nghệ cao chưa có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng; các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng (khu công nghệ thông tin tập trung, khu ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt); các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin tại các khu công nghệ thông tin tập trung, khu ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin chưa có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng; các dự án đầu tư vào địa bàn thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi

đầu tư (trừ dự án thủy điện); các dự án đầu tư vào các địa bàn thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án xây dựng nhà ở cho công nhân KCN; dự án sử dụng thường xuyên từ 200 lao động trở lên.

Theo Quy định này, các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư vào Thừa Thiên Huế ngoài các ưu đãi được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước, còn được hưởng thêm các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh. Cụ thể, tỉnh Thừa Thiên Huế cam kết thực hiện theo quan điểm: Nhà đầu tư được hưởng mức ưu đãi cao nhất trong khung quy định của pháp luật về thuế và đất đai. Các dự án thuộc danh mục hỗ trợ đầu tư theo Quy định này được Tỉnh hỗ trợ các công trình giao thông, điện, nước ngoài hàng rào dự án. Về giao thông, đảm bảo đầu tư công trình giao thông phù hợp với quy hoạch được duyệt, quy mô đầu tư đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dự án của nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Về điện phục vụ thi công, đảm bảo đầu tư hạ tầng công trình điện đến chân hàng rào dự án. Về nước, đảm bảo đầu tư hạ tầng công trình nước đến chân hàng rào dự án. UBND tỉnh xem xét cụ thể quyết định đầu tư hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị Công ty TNHH nhà nước một thành viên xây dựng và cấp nước Thừa Thiên Huế đầu tư tùy theo dự án cụ thể. Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, CCN được Tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư cụm công trình đầu mỗi nhà máy xử lý nước thải.

Các dự án thuộc danh mục hỗ trợ đầu tư của Quy định này được Tỉnh hỗ trợ giao đất sạch để thực hiện dự án. Các dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này được Tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng tối đa không quá 5 tỉ đồng/dự án, riêng đối với các dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN hỗ trợ tối đa không quá 10 tỉ đồng/dự án. Các dự án trong khu ươm tạo doanh nghiệp công nghệ

thông tin được hưởng ưu đãi, hỗ trợ như sau: Miễn tiền thuê nhà 6 tháng đầu theo hợp đồng với diện tích bình quân không quá 5m²/người hoặc không quá 100m²/doanh nghiệp cho 10 doanh nghiệp đầu tiên đăng ký vào hoạt động tại khu ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin của Tỉnh thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực cho ngành công nghệ thông tin (chuyên sâu về lập trình, mạng và cơ sở dữ liệu), sản xuất sản phẩm phần mềm cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Nhà đầu tư tuyển dụng lao động là người dân trên địa bàn tỉnh để phục vụ các dự án tại địa bàn các KCN, khu kinh tế, CCN thường xuyên sử dụng từ 200 lao động trở lên (có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên và tham gia đóng BHXH cho người lao động theo quy định) được Tỉnh hỗ trợ đào tạo với mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/khóa trong thời gian thi công và 3 năm đầu kể từ ngày dự án đi vào hoạt động.

Các doanh nghiệp có dự án thuộc danh mục hỗ trợ đầu tư theo Quy định này được hỗ trợ chi phí đi lại để tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo Kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm của Tỉnh với mức không quá 50 triệu đồng/lượt/doanh nghiệp, và mỗi doanh nghiệp không quá 04 lượt trong suốt quá trình hoạt động tại Tỉnh. Các dự án trọng điểm, có tính chất quan trọng, UBND tỉnh sẽ thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho phép áp dụng thêm các hỗ trợ đầu tư ngoài các hỗ trợ theo Quy định này.

Ngoài ra, Quy định này nêu rõ, về nguyên tắc, UBND tỉnh sẽ hỗ trợ các hạng mục quy định tại Quy định này bằng nguồn vốn ngân sách của Tỉnh. Trường hợp nhà đầu tư cần thực hiện sớm các hạng mục hỗ trợ nhằm đáp ứng tiến độ dự án đầu tư trong điều kiện ngân sách Tỉnh chưa kịp bố trí trong kế hoạch vốn hàng năm, nhà đầu tư có thể ứng trước kinh phí để thực hiện và được Tỉnh bố trí hoàn trả trong kế hoạch vốn của năm kế hoạch kế tiếp khi nhà đầu tư hoàn thành 20% giá trị khối lượng dự án

đầu tư (đối với dự án không phân chia làm nhiều giai đoạn), hoặc khi nhà đầu tư hoàn thành 20% giá trị khối lượng giai đoạn 1 của dự án đầu tư (đối với dự án phân chia làm nhiều giai đoạn được cấp có thẩm quyền chấp thuận). Trình tự thủ tục thực hiện các hạng mục hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành về quản

lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và phi công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.thuathienhue.gov.vn)



Phương pháp khôi phục và tăng cường lớp bảo vệ bằng bê tông trên mặt ngoài các kết cấu bao che

Trong quá trình sử dụng các tòa nhà, mặt ngoài các kết cấu bao che hứng chịu nhiều tác động của môi trường và khí hậu, một trong những tác động chính là lớp bề mặt bị ẩm ướt theo từng giai đoạn, và sự dao động nhiệt độ làm phát sinh những biến dạng lồi lõm do việc tăng nhiệt độ bề mặt của bê tông, do sự trương nở cũng như co ngót của bê tông.

Trong các thành phần bê tông cốt thép của các kết cấu bao che, những yếu tố thuộc về ban công, mái, các tấm chắn trên hầm thông gió, cũng như các bộ phận của tường thường chịu nhiều tác động của môi trường. Đặc điểm hư hại bên ngoài của các kết cấu là sự xuất hiện các khe nứt, bong tróc lớp bảo vệ bê tông cũng như tróc bề mặt của bê tông. Còn hư hại bên trong chủ yếu là cốt thép bị ăn mòn và bê tông bị phá hủy.

Cách đây không lâu, phương pháp phun vữa bảo đảm sự liên kết bền vững của lớp trám và mặt ngoài của kết cấu được sửa chữa được coi là một trong những phương pháp khôi phục và tăng cường lớp bảo vệ bê tông hữu hiệu. Tuy nhiên đây là một phương pháp đắt tiền, khó thực hiện, tiêu tốn năng lượng và nguyên vật liệu. Ngoài ra, phương pháp này không đảm bảo mức đồng đều trên bề mặt, cũng như mức đặc chắc như nhau của lớp bê tông trám và theo bề dày của lớp này, vì về nguyên tắc, lớp phun lên gần bề mặt hơn nên có độ bền kém hơn, đồng thời kết cấu xốp hơn so với vị trí tiếp xúc với bê tông của kết cấu được sửa - đây là những điều mà các nhà xây dựng không hề mong muốn đối với các kết cấu ngoài trời.

Có thể thu được lớp bề mặt đồng đều và kết cấu tương ứng cùng loại phủ lên phần được sửa của kết cấu khi đổ bê tông và trát thông thường. Tuy nhiên những phương pháp trên không được áp dụng rộng rãi do lực kết dính của bê tông mới và vữa xi măng lên bê tông cũ - theo

nguyên tắc - không vượt quá 0,4MPa. Các phương pháp này giúp tránh được các hư hại, song không cải thiện được các tính chất bề mặt sử dụng của kết cấu bao che được sửa chữa.

Để khắc phục nhược điểm thứ nhất, đôi khi các nhà xây dựng sử dụng lớp keo đệm trên bề mặt của kết cấu được sửa chữa; ví dụ lớp đệm từ xi măng hoạt tính hoặc kết cấu epoxy. Một số biện pháp cải thiện các tính chất của lớp trám và có thể đạt được bằng cách áp dụng vữa bê tông có tỷ lệ nước/xi măng thấp. Điều này cho phép giảm sự co ngót, đồng thời nâng cao tính chất thẩm thấu của lớp bảo vệ.

Trong những năm gần đây, trong quá trình lựa chọn giải pháp công nghệ hợp lý nhằm khôi phục lớp bảo vệ bằng bê tông, biện pháp thông dụng hơn cả là ứng dụng các thành phần sửa chữa chuyên dụng có độ bám dính và tính thẩm thấu cao. Một trong những tính chất ưu việt của phương pháp này là khả năng tạo được bề mặt đồng đều của lớp bảo vệ. Nhược điểm của phương pháp này là giá thành sửa chữa cao, khả năng tương thích giữa lớp sửa chữa với vật liệu của kết cấu được sửa chữa về các tính chất biến dạng thường không cao, do đó, có thể sớm xảy ra hiện tượng bong tróc lớp bảo vệ trong quá trình sử dụng kết cấu ngoài trời.

Như vậy, vấn đề cốt yếu của việc khôi phục và tăng cường lớp bảo vệ bê tông mặt ngoài các kết cấu bao che được nhìn nhận ở đây chính là cần nghiên cứu những biện pháp hiệu quả, cũng như trang thiết bị có thể bảo đảm tính nguyên khối, đồng thời tăng cường khả năng chịu khí quyển của kết cấu được sửa chữa.

Nhằm tránh những nhược điểm nêu trên, nhóm tác giả đã nghiên cứu khả năng áp dụng và chứng minh tính hợp lý khi thực hiện một loạt các biện pháp công nghệ trong quá trình sửa chữa như sau:

- xử lý rung vữa bê tông kích cỡ hạt nhỏ tại

vị trí tiếp xúc với bê tông cũ nhờ máy rung sâu trộn từ từ, cơ chế làm việc của máy là một đĩa rung trộn theo chiều dọc;

- đun nóng vữa bê tông một cách trực tiếp trước khi đưa vữa vào kết cấu được sửa chữa;
- bảo dưỡng lớp bảo vệ trong quá trình đóng rắn bằng tấm che.

Qua thử nghiệm, các chuyên gia đã rút ra kết luận: Tác động của đĩa rung lên vữa bê tông tại vị trí tiếp xúc với bề mặt kết cấu được sửa chữa tăng cường khả năng kích ứng rung của xi măng, bởi việc xử lý rung phá hủy cơ cấu kết cứng của hạt xi măng. Kết quả sự phối hợp này là các quá trình phân tán diễn ra một cách mạnh mẽ hơn, do đó thúc đẩy phản ứng thủy hóa xi măng với việc hình thành một cấu trúc đặc chắc hơn của đá xi măng.

Khi trộn vữa bê tông mới đổ, đĩa rung kéo theo các bọt khí có trong vữa bê tông, và hỗ trợ cho việc hình thành kết cấu chắc hơn của bê tông lớp bảo vệ tại vị trí tiếp xúc.

Độ dày và vận tốc trộn tối ưu của đĩa rung ở tần số dao động 50Hz. Phương pháp đầm nén sâu nhờ máy rung đĩa cho phép tăng lực dính kết của bê tông lớp bảo vệ lên nhiều lần.

Trong quá trình thử nghiệm, tác động tích cực của việc đun nóng vữa bê tông tới nhiệt độ 40 - 80⁰C nhằm tăng lực dính kết lớp bảo vệ bê tông đã được kiểm chứng. Kết quả là hệ số căng bề mặt giảm, tính lưu động của vữa bê tông tăng, do đó khả năng chịu nén của vữa được cải thiện. Bên cạnh đó, việc đun nóng vữa bê tông còn tạo khả năng tăng hiệu suất chịu co ngót của lớp bê tông lớp bao phủ kết cấu. Để đảm bảo tính nguyên khối của kết cấu này, các chuyên gia khuyến cáo vữa bê tông nên được đun trước tới nhiệt độ 60⁰C.

Việc bảo dưỡng bê tông lớp bảo vệ trong quá trình đóng rắn bằng tấm che tiếp xúc trực tiếp với không khí cũng hiệu quả. Các chuyên gia đã xác định được rằng: Sử dụng tấm che trên bề mặt vữa bê tông tươi trong giai đoạn đầu đóng rắn sẽ ngăn được sự hình thành các bọt rỗng lớn của lớp bề mặt - một mặt là hệ quả

của sự bay hơi nước nhanh (trong giai đoạn đóng rắn của bê tông, với việc đưa nước lên bề mặt bê tông); mặt khác - không khí thấm sâu vào bê tông (nhờ sự làm loãng khí trong các lỗ bọt của bê tông do phản ứng thủy hóa xi măng).

Thời hạn bảo dưỡng hợp lý của bê tông lớp bảo vệ trong quá trình đóng rắn sử dụng tấm che phủ có thể là 3-4 ngày. Theo các chuyên gia khuyến cáo nên sử dụng tấm nhựa polyetylen là tấm che phủ vì giá loại vật liệu này tương đối thấp, lại có khả năng sử dụng nhiều lần. Ứng dụng tấm che phủ polyetylen lên lớp bảo vệ của bê tông, được sửa chữa hay được gia cường trên những bề mặt thẳng đứng của kết cấu bao che cho phép duy trì hình dạng bê tông trong vài giờ đầu tiên của quá trình đóng rắn mà không cần ván khuôn, khi bề dày của lớp bảo vệ khoảng 3cm.

Những phương án khả thi nhằm hoàn thiện công nghệ sửa chữa và tăng cường lớp bảo vệ bê tông trên bề mặt thẳng đứng của kết cấu bao che đều tính tới:

- việc sử dụng vữa bê tông hạt nhỏ được đun nóng trước;
- tạo hình lớp bảo vệ bằng bê tông với sự hỗ trợ của ván khuôn;
- đầm nén vữa bê tông tại vị trí tiếp xúc với kết cấu bao che được sửa chữa bằng các thiết bị đĩa rung sâu; vữa được đảo trộn dần từ dưới lên trên;
- bảo dưỡng bê tông trong quá trình đóng rắn bằng tấm phủ ngăn cản sự tiếp xúc trực tiếp với không khí.

Một số đặc điểm áp dụng công nghệ hoàn thiện khi khôi phục lớp bảo vệ của bê tông:

- lớp bảo vệ bằng bê tông được tạo hình nhờ ván khuôn cho phép tạo lớp bảo vệ có độ dày bất kỳ không chỉ trên các bề mặt thẳng đứng mà trên cả các bề mặt trần nhà (bề mặt nằm ngang) của kết cấu được sửa chữa.

- các tấm ván khuôn cố định được gắn chặt lên bề mặt các kết cấu bao che được sửa, và được tháo sau khi đổ bê tông khoảng 3-4 ngày;
- các tấm che với chức năng ngăn không

cho bề mặt bê tông tiếp xúc trực tiếp với không khí nên bằng vật liệu polime hoặc kim loại;

- máy rung sâu (lò xo uốn có chiều dài 0,3 - 0,5m và chiều rộng 0,05 - 0,15mm); một đầu được kết nối với thiết bị rung điện từ điều khiển bằng tay; đầu kia tự do và có thể giãn nở. Chức năng lò xo rất cần thiết đối với bộ phận hoạt động để bảo vệ nó tránh tiếp xúc thường xuyên với bề mặt của kết cấu bao che được sửa chữa (không phụ thuộc vào độ bằng phẳng và vị trí của kết cấu đó trong không gian);

Lớp bảo vệ bằng bê tông được tăng cường nhờ ván khuôn trượt với phểu thu, trên đó gắn 2 thiết bị rung (một ở trên bề mặt, một ở sâu với bộ phận hoạt động như một đĩa cứng, và tấm che phủ (bằng polyetylen).

Ván trượt với phểu đỡ đẩy vữa bê tông hạt

nhỏ được trộn từ dưới lên trên với vận tốc 14 - 18 mm/s, tạo thành lớp bảo vệ bổ sung bằng bê tông có độ dày tối đa 30mm và được bịt chặt bằng tấm polyetylen.

Kết quả thử nghiệm về đặc tính không thấm thấu và kháng băng giá trên mẫu của lớp bảo vệ bằng bê tông đã chứng minh hiệu quả cao cũng như sự hợp lý khi áp dụng công nghệ này trong quá trình sửa chữa các kết cấu bao che bằng bê tông cốt thép nhằm tăng thời gian sử dụng các kết cấu.

A. Zholobov

Tạp chí Xây dựng dân dụng & Xây dựng công nghiệp Nga tháng 8/2012

ND: Lê Minh

Tính chất của bê tông đóng rắn trong điều kiện khí hậu nóng ẩm

Tính chất của bê tông sẽ quy định chất lượng, khả năng chịu lực và tuổi thọ của các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

Những tính chất cơ bản của bê tông gồm: Độ bền, độ đặc chắc, độ rỗng xốp và tính thấm thấu; tất cả các tính chất trên đều liên quan mật thiết tới nhau. Chẳng hạn, độ đặc chắc (trọng lượng riêng) đối lập với độ rỗng xốp; tính thấm thấu phụ thuộc vào số lượng lỗ rỗng, kích cỡ cũng như hướng của các lỗ; mà cả hai điều này lại quyết định độ bền của bê tông. Cần nhớ rằng: Những lỗ rỗng nhỏ với đường kính dưới 1 mikron khi đạt số lượng tối ưu sẽ có ảnh hưởng tích cực tới tính chất của bê tông, vì chúng tạo nên thể tích dự trữ để nước và vữa bê tông bột khí pha trộn với nhau, từ đó làm giảm áp suất bên trong bê tông. Các tính chất vừa nêu được hình thành do tác động của các quá trình lý học xảy ra trong bê tông, trước tiên là ở giai đoạn đóng rắn ban đầu của bê tông.

Nhằm xác định ảnh hưởng của các quá trình lý học cơ bản trong bê tông của các kết cấu

toàn khối sử dụng trong điều kiện khí hậu nóng ẩm, các nhà nghiên cứu đã tiến hành các thí nghiệm trong điều kiện khí hậu nóng ẩm tự nhiên với ảnh hưởng toàn diện của các thông số môi trường biến động. Các thí nghiệm này rất cần thiết, vì những nghiên cứu trước đây thường được tiến hành trong điều kiện phòng thí nghiệm, chỉ với một thông số của môi trường biến đổi; do đó không thể mô hình hóa các điều kiện ngoài trời khi sử dụng các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối trong khí hậu nóng ẩm.

Trong quá trình thí nghiệm, độ bền nén của bê tông được xác định khi thử nghiệm với các mẫu khoan tại những vị trí khác nhau, với độ kiên cố và độ rỗng xốp khác nhau. Các mẫu từ vữa bê tông có các thành phần khác nhau, có phụ gia và không có phụ gia hóa dẻo.

Kết quả của các thí nghiệm cho thấy: tính chất của bê tông phụ thuộc một phần vào sự biến dạng. Những thí nghiệm gần đây nhất cho thấy các tính chất này còn phụ thuộc vào nhiệt

độ của bê tông. Tuy nhiên, đối lập với những khẳng định trước đây, các tính chất của bê tông (độ bền và độ rỗng xốp) không phụ thuộc trực tiếp vào đặc tính biến dạng và độ lớn biến dạng. Theo quan điểm của nhiều nhà khoa học, điều này liên quan tới tính phức tạp của các quá trình diễn ra trong bê tông đang đóng rắn, được tăng cường thêm bởi nhiệt được bổ sung, và cũng phụ thuộc vào hướng dẫn vào của nhiệt. Các quá trình này có thể khác biệt thực sự về tính chất và độ lớn tại những vị trí khác nhau trong kết cấu, bởi vì chúng xảy ra dưới tác động của nhiệt độ bê tông, tác động ngược của bê tông phía bên trên.

Các quá trình vật lý diễn ra trong giai đoạn đóng rắn sớm của bê tông và hình thành nên các đặc tính của bê tông là giảm và tăng thể tích; mặc dù thể tích có thể giảm đi ngay cả khi nhiệt độ của bê tông giảm. Tính chất và sự tăng cường các quá trình này tùy thuộc rất nhiều vào nhiệt độ khu vực được hình thành dưới tác động của nhiệt bên ngoài của môi trường xung quanh và nhiệt tỏa ra được phân tách từ kết quả thủy hóa xi măng. Bên cạnh đó, cần tính tới vai trò thực sự của khối lượng nước trong việc tạo thành các biến dạng, sự chuyển dịch của nước bên trong bê tông, và sự trao đổi tổng hợp của bê tông với môi trường xung quanh, cũng như tác động của bê tông phía bên trên. Khi so sánh sự thay đổi nhiệt độ cũng như tính biến dạng của bê tông, các nhà khoa học có thể giải thích tương đối chính xác việc hình thành kết cấu và các tính chất của bê tông.

Trong các thí nghiệm, độ bền của bê tông được xác định bằng cách thử nghiệm các mẫu được bố trí trong từng phần; và các lỗ được khoan từ các phần. Tất cả các thí nghiệm được tiến hành sau khi bảo dưỡng bê tông trong các điều kiện tự nhiên trong vòng 28 ngày. Kết quả các thí nghiệm đều cho thấy độ bền của bê tông có chất phụ gia hóa dẻo sẽ cao hơn so với bê tông không có phụ gia.

Việc phân tích các chỉ số độ bền theo thể

tích từng phần của vữa bê tông không có phụ gia hóa dẻo cho các kết quả tương đương tại những vị trí khác nhau. Sự thay đổi độ bền tại các vị trí khác nhau trong từng phần thường không theo một quy luật nào cả, và rất khó lý giải bằng những biến dạng khác nhau, vì tính chất của chúng tuy khác nhau song mức độ khác biệt không đáng kể. Việc thay đổi nhiệt độ và độ ẩm liên tục tạo điều kiện cho việc xuất hiện những khác biệt về tính chất và độ lớn của các biến dạng tại những vị trí khác nhau trong từng phần. Các tính chất này phụ thuộc lẫn nhau và hầu như không thể điều tiết. Nhiệt độ biến đổi do quá trình tỏa nhiệt, trao đổi nhiệt với môi trường xung quanh và trao đổi nhiệt bên trong bê tông. Sự tỏa nhiệt phụ thuộc vào cường độ thủy hóa và nhiệt độ bên trong bê tông tại thời điểm đó, còn tốc độ thủy hóa phụ thuộc vào nhiệt độ. Các đặc tính kỹ thuật của hệ thống ván khuôn và nhiệt độ môi trường có ảnh hưởng tới quá trình trao đổi nhiệt của bê tông với môi trường xung quanh. Độ ẩm của bê tông tại từng vị trí riêng biệt trong từng phần phụ thuộc hoàn toàn vào nhiệt độ của bê tông, bởi vì nước chuyển dịch tại các vị trí có nhiệt độ hạ thấp. Ngoài ra, độ ẩm bê tông tại vị trí gần bề mặt biến đổi do nước bay hơi ra môi trường xung quanh; bởi vì trong 03 giờ đồng hồ đầu tiên, bề mặt trên cùng của các phần hở hoàn toàn, bảo đảm cho quá trình trao đổi toàn diện của bê tông với môi trường xung quanh. Độ ẩm gia tăng tại những vị trí khác nhau trong từng phần sẽ tăng cường sự giãn nở; và độ ẩm giảm sẽ tăng sự co ngót của bê tông.

Việc nghiên cứu độ rỗng xốp của bê tông cho thấy sự phụ thuộc của độ xốp vào độ kiên cố của từng phần: Độ xốp tăng lên khi độ kiên cố giảm đi; do tác động ngược của bê tông phía bên trên giảm. Tuy vậy, khối lượng hơi nước vẫn ở ngưỡng tối ưu.

Việc phân tích các kết quả thử nghiệm cho thấy: Những biến dạng là điều kiện cho các tính chất của bê tông - ở một mức độ nhất định - phù

hợp với các tiêu chuẩn được quy định từ trước; cụ thể là những biến dạng giãn nở giảm đi do được loại trừ khỏi lớp bề mặt trên cùng của bê tông. Điều này được lý giải bằng tác động bù trừ của lớp phía trên của bê tông. Khi bảo dưỡng bê tông trong điều kiện hạn chế sự trao đổi tự do với môi trường xung quanh, về nguyên tắc, tại lớp bề mặt sẽ xuất hiện khu vực co ngót. Nước từ lớp bề mặt của bê tông bay hơi nhiều hơn sẽ tạo điều kiện cho quá trình vừa nêu.

Những số liệu thu được từ các thí nghiệm cũng cho thấy: Độ xốp nhiều nhất xuất hiện tại những khu vực có độ giãn nở nhiều nhất; và ít hơn tại những khu vực mà độ giãn nở hoặc độ co ngót ít hơn.

Việc phân tích các kết quả của các nghiên

cứu mới đây, cũng như các nghiên cứu trước kia về khu vực nhiệt độ và sự biến dạng của bê tông đã mở ra khả năng công nhận tính hợp lý khi thiết lập các khu vực nhiệt độ không đồng nhất trong xây dựng các kết cấu toàn khối với điều kiện khí hậu nóng ẩm, vì việc này giúp bảo đảm những điều kiện tối ưu để tạo những kết cấu đạt chất lượng, xác lập các tính chất cần thiết của bê tông, và điều quan trọng là để kéo dài tuổi thọ của kết cấu.

V. Kopylov và các cộng sự Việt Nam

Tạp chí Xây dựng dân dụng & Xây dựng công nghiệp Nga tháng 9/2012

ND: Lê Minh

Các biện pháp chính để tăng cường công tác quản lý tại công trường thi công

Quản lý công trường thi công xây dựng là một phần quan trọng trong công tác quản lý của doanh nghiệp thi công, đóng vai trò quan trọng quyết định sự phát triển và tồn tại của doanh nghiệp. Tăng cường công tác quản lý tại công trường thi công không những có thể đảm bảo chất lượng, giá thành, tiến độ của dự án, mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thị trường xây dựng.

1. Thiết lập hoàn chỉnh cơ cấu quản lý và tổ chức

Công tác quản lý công trường thi công có mối quan hệ chặt chẽ với công tác quản lý toàn bộ nhân lực, tài chính, vật chất, chất lượng, an toàn sản xuất của công trình. Do đó, việc thiết lập một hệ thống tổ chức nghiêm ngặt là việc làm rất cần thiết để đảm bảo quản lý tốt những phương diện này. Vì vậy, cần thiết lập một hệ thống mạng lưới quản lý bao gồm từ người phụ trách trong doanh nghiệp, người quản lý dự án cho đến các tổ trưởng tham gia quản lý tại công

trường thi công. Thiết lập kiện toàn cơ cấu, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng cho từng nhân viên, bố trí hợp lý các cấp quản lý và người chịu trách nhiệm điều hành, để mọi nhân viên đều có thể nắm bắt và quản lý tốt công việc của mình, hình thành một dây chuyền quản lý hoàn thiện.

2. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức về an toàn và đào tạo nhân viên làm việc tại công trường thi công

Đối với những nhân viên lần đầu vào công trường xây dựng làm việc và những công nhân đã từng làm xây dựng mới chuyển sang, yêu cầu phải tham gia các lớp đào tạo về kỹ thuật và bồi dưỡng kiến thức về an toàn, và phải thông qua các đợt kiểm tra sát hạch. Đối với những nhân viên mới vào làm việc tại công trường, các doanh nghiệp thường tiến hành bồi dưỡng kiến thức về an toàn theo 3 cấp, đây cũng là những việc làm quan trọng và cần thiết cho những nhân viên mới. Nội dung bồi dưỡng

bao gồm: Kiến thức về bảo hộ lao động và nhiệm vụ; kiến thức về an toàn sản xuất, chính sách, quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy trình và an toàn; kiến thức về nội quy và quy định an toàn của doanh nghiệp. Những bộ phận nào có nhân viên mới được phân bổ vào, phải tiến hành hướng dẫn thêm cho họ về an toàn trước khi bắt tay vào công việc như: Giáo dục những kiến thức an toàn về xây dựng, máy móc thiết bị, tính năng của các thiết bị bảo hộ an toàn; quy trình hoạt động an toàn đối với các loại công việc; những yêu cầu cơ bản về sản xuất an toàn, thi công khoa học và kỷ luật lao động; Cần chỉ cho họ rõ một số công việc dễ xảy ra sự cố về an toàn và hướng dẫn sử dụng những sản phẩm bảo hộ...

3. Thiết lập và tổ chức thi công một cách khoa học

Tổ chức thi công một cách hợp lý và khoa học sẽ là cơ sở để hướng dẫn và chỉ đạo, là cơ sở để bố trí toàn bộ hoạt động thi công sẽ diễn ra tại công trường, kiểm soát được tiến độ thi công, đảm bảo cả về chất lượng và an toàn, là cơ sở để điều chỉnh lao động và thiết bị máy móc. Do đó cần có phương án tổ chức thi công hoàn chỉnh, sơ đồ lập kế hoạch phải rõ ràng, bố cục hạ tầng hợp lý, vật liệu sắp xếp gọn gàng, phạm vi hoạt động của máy móc phải rõ ràng, đường dành cho xe cộ ra vào phải thuận lợi, khu vệ sinh tại công trường phải sạch sẽ...

Việc phân bổ nguồn tài nguyên xây dựng cũng là việc làm cần có tính khoa học, bởi nó sẽ đảm bảo hoạt động thi công tại công trường, đạt được sự kết hợp tốt nhất trong sản xuất và là mấu chốt để hoàn thành nhiệm vụ thi công và đạt được hiệu quả kinh tế cao. Trong quá trình thi công, nhu cầu về số lượng nhân lực, vật liệu và thiết bị chắc chắn sẽ có sự thay đổi, nên khi phân bổ nguồn vật liệu phải cân đối sao cho hợp lý. Phải căn cứ vào nguồn cung ứng vật liệu và tình hình sử dụng để quyết định số lượng vật liệu dự trữ; căn cứ vào các loại máy móc thiết bị

đưa vào công trường và tính năng của chúng; căn cứ vào tình hình thời tiết và tiến độ thực tế để điều chỉnh kế hoạch về nguồn tài nguyên, nhưng quan trọng hơn là giữa chúng phải có sự thống nhất và hài hòa.

4. Quản lý giám sát chặt chẽ vật liệu

Trước khi thi công, không những phải tiến hành nghiên cứu điều tra về nguồn gốc đối với những vật liệu cần thiết sử dụng trong công trình, mở rộng thu thập thông tin của nhà cung cấp, cố gắng tìm ra điểm kết hợp tốt nhất giữa vật liệu và mức giá của chúng, mà còn phải căn cứ vào tổ chức thi công và những tính toán nhu cầu vật liệu thực tế, tổng lượng thiết bị có liên quan, từ đó mới có thể lập kế hoạch phù hợp với tình hình.

Trong quá trình thi công, cần làm tốt kế hoạch thực hiện theo tuần, theo tháng, nghiên cứu kỹ lưỡng về việc sử dụng ngân sách và tình hình thực tế tại công trường, cùng với yêu cầu về tiến độ công trình, bố trí hợp lý những máy móc thiết bị sử dụng tại hiện trường, đặc biệt phải chú ý tới khâu bảo quản tốt vật liệu. Thiết lập kế hoạch mua vật liệu, chế độ bảo quản hợp lý, xây dựng hệ thống trung tâm thông tin về giá và cơ chế giám sát giá vật liệu, nâng cao năng lực và trình độ nghiệp vụ cho những nhân viên mua sắm, đảm bảo nguồn vật liệu mua vào luôn có chất lượng tốt, giá rẻ, như vậy vừa giảm mức chi phí cho công trình, vừa nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

5. Tăng cường quản lý an toàn sản xuất tại công trường thi công

Tại công trường thi công, phải luôn đảm bảo "An toàn là số một". Trong công tác quản lý an toàn thi công tại công trường, phải nắm rõ một số điểm sau:

(1). Phạm vi ranh giới trong và ngoài khu vực thi công, sơ đồ bố trí mặt bằng tại hiện trường thi công, bảng tổng quan xây dựng và quy định quản lý an toàn, cùng các quy trình

thực hiện an toàn tại công trường thi công.

(2). Đối với những lao động mới nhận việc tại công trường, bắt buộc phải có giấy chứng nhận năng lực công việc mà họ sẽ đảm nhận, đồng thời, bồi dưỡng kiến thức về an toàn cho toàn bộ nhân viên tham gia thi công.

(3). Đường đi dành cho người đi bộ, cho xe cơ giới phải bằng phẳng, hạn chế những đoạn gấp khúc hay giao cắt nhau, có các biển cảnh báo rõ ràng hoặc có người điều khiển giao thông tạm thời.

(4). Các loại vật liệu không được chồng xếp vượt quá độ cao cho phép, phải có nhãn mác, chủng loại, quy cách...

(5). Công trường thi công phải đáp ứng đủ điều kiện về lưới an toàn, tủ điện, thiết bị chống điện giật, đai an toàn, mũ bảo hộ và các thiết bị bảo hiểm khác.

6. Đảm bảo cơ chế quản lý chất lượng

Quản lý chất lượng là một khâu quan trọng trong công tác quản lý tại công trường thi công, chất lượng thi công là sinh mệnh của doanh

nh nghiệp thi công, là nền tảng vững chắc giúp doanh nghiệp có vị trí vững chắc trong thị trường xây dựng. Do đó, việc thiết lập hệ thống đảm bảo quản lý, tăng cường nhận thức về chất lượng là việc làm cần thiết. Ngoài ra cần phải nghiêm chỉnh chấp hành cơ chế nghiệm thu chất lượng trong quá trình quản lý về chất lượng nếu phát hiện những vấn đề bất thường cần nhanh chóng tìm ra nguyên nhân, đồng thời có biện pháp sửa đổi phù hợp với tình hình.

7. Lời kết

Chỉ có nắm bắt được những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý, tuân thủ theo nguyên tắc quản lý, mới nâng cao được trình độ quản lý tại công trường thi công, từ đó mới nâng cao được lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Lâu Ứng Bình

Công ty TNHH Xây dựng tỉnh Triết Giang,
Trung Quốc
Tạp chí xây dựng Trung Quốc số 14/2012
ND: Bích Ngọc

Phát triển thành phố Trung Quốc trong làn sóng đô thị hóa

Trung Quốc đang trong thời kỳ phát triển đô thị hóa với tốc độ nhanh, làn sóng đô thị hóa của Trung Quốc là tiến trình quan trọng và là kết quả tất nhiên của sự phát triển kinh tế xã hội. Cuối năm 2011, dân số đô thị Trung Quốc chiếm 51,27% tổng dân số cả nước, lần đầu tiên vượt quá 50%, điều này cho thấy Trung Quốc chính thức bước vào giai đoạn mới - lấy xã hội đô thị làm chủ đạo. Một mặt, đô thị hóa tạo cơ hội phát triển cho thành phố, mặt khác, nó mang tới hàng loạt những “căn bệnh đô thị” như ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường... Dưới hai thách thức nặng nề của toàn cầu hóa và áp lực chuyển đổi trong nước, rất nhiều vấn đề mà các nước phương Tây đã trải qua trong

quá trình đô thị hóa đang ảnh hưởng sâu sắc tới tiến trình đô thị hóa hiện đang trong giai đoạn ngắn tập trung phát triển đột phá của Trung Quốc.

I. Nỗi lo về “căn bệnh đô thị”

Đô thị hóa khiến cho lượng người sinh sống tại thành phố ngày càng nhiều, và ảnh hưởng tới cuộc sống của họ ở nhiều mặt khác nhau. Trong tiến trình đô thị hóa tốc độ nhanh, một loạt các “căn bệnh đô thị” như đô thị mở rộng một cách thiếu trật tự, giao thông ùn tắc, ô nhiễm môi trường, nguy cơ an toàn... đang gây phiền nhiễu tới người dân. Mọi người, một mặt luôn hướng về thành phố, mặt khác lại oán

trách thành phố; họ luôn tràn đầy hy vọng đối với thành phố, nhưng lại thường xuyên cảm thấy thất vọng. “Bệnh đô thị” chủ yếu biểu hiện ở những phương diện dưới đây:

1. Đô thị mở rộng thiếu trật tự

Trong quá trình đô thị hóa diện tích đất sử dụng cho xây dựng đô thị được mở rộng nhanh chóng. 10 năm trước, dân số đô thị Trung Quốc tăng 26%, còn diện tích đất xây dựng thành phố đã mở rộng 50%, tốc độ “đô thị hóa đất đai” rõ ràng đã nhanh hơn “đô thị hóa dân số”. Theo thống kê, mức độ đô thị hóa của Trung Quốc cứ tăng 1% thì cần chiếm dụng 4,5 triệu mẫu đất. Dự tính, trong 30 năm tới, Trung Quốc sẽ vẫn duy trì tỷ lệ đô thị hóa hàng năm là 1%, tương đương mỗi năm có 13 triệu dân số mới vào thành phố, tất yếu cần một khối lượng lớn đất đai dành cho xây dựng. Vì vậy, nếu không có sự chỉ đạo, định hướng đúng đắn sẽ gây ra tình trạng lãng phí đất nghiêm trọng và làm hạn chế sự phát triển bền vững của thành phố.

2. Ùn tắc giao thông nghiêm trọng

Cơ giới hóa và đô thị hóa được tiến hành đồng thời và đang theo xu thế tăng trưởng với tốc độ cao. Trong 10 năm từ năm 2000 đến năm 2009, lượng xe hơi dân dụng trong toàn quốc tăng từ 16,09 triệu chiếc tới 62,81 triệu chiếc, tắc nghẽn giao thông trở thành vấn đề phổ biến gây phiền toái cho các thành phố của Trung Quốc. Hiện tại, tắc nghẽn giao thông không ngừng mở rộng phạm vi về cả không gian và thời gian, hơn nữa lại diễn ra ngày càng trầm trọng. Lấy Bắc Kinh làm ví dụ, năm 2009, dân số thường trú tại Bắc Kinh đã vượt mức kiểm soát trong quy hoạch tổng thể thành phố trước 10 năm, nhu cầu giao thông đã vượt hơn nhiều so với sức tải của hệ thống cung cấp; sự mở rộng không ngừng không gian thành phố khiến khoảng cách đi lại tăng lên, đặc biệt là mô hình mở rộng theo kiểu đơn trung tâm sẽ mang đến một khối lượng giao thông lớn theo

kiểu quả lắc đồng hồ. Hiện tại, thời gian tắc nghẽn bình quân trên ngày trong những ngày làm việc trên mạng lưới đường bộ toàn Trung Quốc đã vượt con số 4 (giờ), chỉ số ùn tắc theo giai đoạn tại các con đường trong thành phố đã tiến đến cấp độ nghiêm trọng. Các vấn đề kéo theo từ ùn tắc giao thông như hao phí năng lượng, môi trường và vấn đề về an toàn... cũng khiến mọi người cảm thấy áy náy và lo lắng, đồng thời chúng cấu thành những mối đe dọa nghiêm trọng đối với sự phát triển lành mạnh của thành phố.

3. Ô nhiễm môi trường gia tăng

Sự hao phí năng lượng tại các thành phố của Trung Quốc chiếm 80% của toàn quốc, hao phí về sắt thép chiếm 86% toàn quốc, phát thải COD (Chemical Oxygen Demand - lượng oxy cần thiết cho quá trình oxy hoá các chất hữu cơ trong nước thành CO₂ và H₂O) chiếm 85% toàn quốc, phát thải CO₂ chiếm 90% toàn quốc. Tổng lượng phát thải khí nhà kính của Trung Quốc trong khoảng thời gian từ năm 1970 - 2007 tăng lên hơn 7 lần, hậu quả từ những tác nhân trên như khí hậu cực đoan liên tục diễn ra, tính đa dạng sinh học giảm, mưa axit, ô nhiễm nguồn nước... cũng ngày càng trở nên trầm trọng. Dự tính trong 30 năm tới, với tỷ lệ đô thị hóa trên 80%, vấn đề môi trường sẽ càng trở nên nổi cộm.

4. Nguy cơ an toàn đô thị

An toàn tin cậy là nguyên nhân quan trọng khiến mọi người lựa chọn thành phố là nơi tập trung sinh sống. Nhưng trong những năm gần đây, các vấn đề gặp phải tại thành phố từ những hiểm họa thiên nhiên như động đất, sạt lở đất, hạn hán, lũ lụt... cho tới những tai họa do con người tạo ra như hỏa hoạn, cháy nổ, rò rỉ vật chất hóa học, tai nạn thi công công trình... đã hình thành nên những mối lo về vấn đề an toàn tại thành phố. Lấy vấn đề ngập úng làm ví dụ: Hiện tượng “gập mưa tất lụt” đã đe dọa

nghiêm trọng sự an toàn của thành phố. Theo điều tra đối với 350 thành phố trong khoảng thời gian 3 năm từ năm 2008 đến năm 2010, có 62% thành phố từng xảy ra úng lụt, trong đó có 137 thành phố phát sinh trên 3 lần. Ngày 13/6/2011, Bắc Kinh gặp phải mưa lớn, toàn thành phố bị tích nước nghiêm trọng, độ sâu nước ngập tại khu vực dưới chân cầu vượt là trên 1,5m, giao thông tê liệt, có người thiệt mạng khi bị rơi vào giếng thoát nước. Ngày 21/6/2012, Bắc Kinh gặp phải cơn mưa bão lớn nhất trong 61 năm qua, cường độ mưa đạt tới 170mm, lượng mưa bình quân trong khu vực thành phố là 215mm, mưa lớn đã khiến cho rất nhiều đoạn thấp trũng trong thành phố xuất hiện ngập úng trên diện rộng, 77 người thiệt mạng, tổn hại về tài sản vượt trên 10 tỷ NDT. Ngoài ra, việc bơm hút nước ngầm với khối lượng lớn gây sụt lún đất tại một số thành phố cũng ngày càng đáng lo ngại, đe dọa sự an toàn trong thành phố.

5. Mất đi đặc trưng riêng của thành phố

Đô thị hóa với tốc độ nhanh gây ra mâu thuẫn giữa phát triển và bảo tồn: một mặt là mong muốn phát triển và hiện đại hóa thành phố với tốc độ nhanh chóng; mặt khác là hệ quả tạo sự tan rã trong đời sống văn hóa truyền thống và đe dọa tới văn minh truyền thống. Diện mạo của không ít thành phố đang biến đổi nhanh chóng theo sự cải tạo quá mức đến nỗi nghìn nơi như một. Trong xây dựng đô thị, đặc trưng riêng và sức hút về văn hóa của một số thành phố đang bị mai một và thay vào đó là những tòa nhà cao tầng, những cây cầu vượt, những quảng trường lớn, những con đường rộng và những khu vực trung tâm hành chính và thương mại của một thành phố (CBD - Central Business District) tương tự như nhau. Không ít thành phố dù có điều kiện cơ sở vật chất lớn, dù đều là những đô thị lớn của quốc tế, trung tâm tài chính của khu vực... nhưng lại thiếu coi trọng những đặc trưng cơ bản nhất của thành

phố; có thành phố lại theo đuổi kiểu “phục cổ”, xây dựng nên “phố triều Thanh”, “phố Tống”, “phố Hàn”... Những con phố “giả cổ” này lại có phong cách rất giống nhau làm mất đi những đặc trưng riêng của thành phố.

II. Tìm tòi và tư duy về sự phát triển đô thị Trung Quốc

Đô thị là sản vật trong tiến bộ của xã hội loài người, tuy nhiên trong quá trình đô thị hóa cũng tạo ra các loại “căn bệnh đô thị”. Làm sao để tổng kết kinh nghiệm, áp dụng những cái tốt và loại trừ cái xấu là những vấn đề mà chúng ta cần đối mặt. 10 biện pháp dưới đây sẽ có lợi cho việc xây dựng thành phố tươi đẹp, hạnh phúc, hài hòa, giàu sức sống và đáng sống.

1. Định vị chuẩn xác

Định vị thành phố quyết định phương hướng phát triển của thành phố. Vấn đề phổ biến tại rất nhiều thành phố của Trung Quốc là định vị quá cao và giống nhau. Trên thực tế, mỗi một thành phố đều có những đặc điểm và điều kiện riêng. Định vị thành phố cần xác định chuẩn xác tọa độ thành phố trong hệ thống tọa độ phát triển kinh tế xã hội: *Thứ nhất*, cần đi sâu nghiên cứu địa vị và tác dụng của thành phố trong kết cấu cấp độ thành phố trong khu vực; *Thứ hai*, cần nắm chắc các ưu nhược điểm và điều kiện tài nguyên của thành phố; *Thứ ba*, cần nắm được các nhân tố chủ đạo ảnh hưởng tới sự phát triển của thành phố; *Thứ tư*, cần làm nổi bật đặc trưng của thành phố, nỗ lực khai thác thương hiệu thành phố độc đáo. Ví dụ, 3 thành phố nằm trong khu vực đô thị Osaka, Nhật Bản đã kết hợp hữu cơ “Osaka của kinh doanh, Kobe của bến cảng, Kyoto của văn hóa”, mỗi thành phố đều đi sâu nghiên cứu định vị thành phố mình, hình thành sức cạnh tranh trọng tâm, độc đáo riêng.

2. Quy mô hợp lý

Tình hình đất nước cộng thêm những điều

kiện địa lý và lợi ích về quy mô thuận lợi đã khiến cho những ưu thế phát triển của các thành phố lớn và đặc biệt lớn của Trung Quốc càng trở nên nổi bật, tuy nhiên sự mở rộng quá mức quy mô đô thị cũng trở thành căn nguyên của những căn bệnh đô thị lớn. Sự phát triển hài hòa giữa đô thị lớn và các đô thị vừa và nhỏ đã hình thành kết cấu kim tự tháp với quy mô dân số thành phố thị trấn/số lượng thành phố thị trấn là kết cấu khá lý tưởng. Cần lựa chọn biện pháp về mặt chế độ và chính sách kinh tế để cổ vũ cho sự phát triển của thành phố vừa và nhỏ cũng như thành phố thị trấn nhỏ. Sự phát triển của thành phố lớn cũng cần được dẫn dắt hợp lý, tận dụng địa hình tự nhiên hoặc không gian mở để phân thành phố thành các khu khác nhau và hạn chế sự mở rộng thiếu trật tự về không gian thành phố.

3. Phân khu khoa học

Phân khu chức năng trong thành phố có thể phân theo 2 loại: phân khu chức năng mang tính đơn nhất và phân khu chức năng mang tính tổng hợp. Trong một thời gian dài, Trung Quốc theo kiểu phân khu chức năng mang tính đơn nhất. Trên thực tế, phân khu mang tính tổng hợp lại có lợi hơn cho việc điều hòa các hoạt động của thành phố và duy trì sức sống cho thành phố. Thực tiễn đã chứng minh, từ chức năng đơn nhất hay phân khu chức năng mang tính đơn nhất chuyển sang cộng đồng mang tính tổng hợp với sự đan xen hỗn hợp của nhiều chức năng, khi đặt các khu làm việc và cơ sở vật chất của cuộc sống thường nhật vào trong phạm vi khu vực cộng đồng thuận tiện cho các cư dân, ít nhất có 3 ưu thế từ việc làm này: *Một là*, mô hình chặt chẽ hơn giúp thực hiện tận dụng hỗn hợp đất đai; *Hai là*, nơi cư trú gần kề địa điểm làm việc giúp giảm thiểu áp lực giao thông; *Ba là*, mối quan hệ tốt đẹp của cư dân cùng với các tổ chức xã hội có thể tăng cường sức sống và sức gắn kết trong phân khu.

4. Thâm canh chặt chẽ

Thâm canh chặt chẽ là khái niệm được đưa ra khi mà vấn đề đô thị mở rộng quá mức đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Xét trong mâu thuẫn nổi bật giữa dân số và đất đai tại Trung Quốc, khái niệm này càng có ý nghĩa hiện thực. *Thứ nhất*, chặt chẽ có nghĩa là tận dụng đất đai với mật độ khá cao. Nghiên cứu cho thấy, khu vực thành phố có mật độ càng cao thì sự mở rộng về đất sử dụng càng chậm. Thông thường, mật độ dân số của các thành phố Trung Quốc đều cao hơn tiêu chuẩn 10.000 người/km². *Thứ hai*, chặt chẽ có nghĩa là ngăn chặn sự phát triển đất đai theo kiểu quảng canh. Khu khai thác, phân khu mới, thành phố mới... kiểu thuần túy và mô hình khai thác phân tán hóa cần được kiểm soát nghiêm ngặt. Tận dụng thâm canh đất đai cần chú trọng khai thác đất đai với mật độ cao ở các nút giao thông dung lượng lớn. Ví dụ, Hồng Kông có khoảng 45% dân số sống trong phạm vi 500m quanh trạm đường sắt, trong tình trạng thiếu hụt đất sử dụng nghiêm trọng thì nó đã phát huy được tác dụng quan trọng.

5. Giao thông thuận tiện, thông suốt

Giao thông thông suốt là sự bảo đảm cho sự vận chuyển bình thường của thành phố. *Thứ nhất*, để giao thông thành phố thông suốt cần kết hợp hài hòa giữa giao thông và tận dụng đất đai; xây dựng hệ thống quản lý quy hoạch như khái niệm phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD: transit-oriented development) và khung chính sách công cộng, thúc đẩy tối ưu hóa kết cấu đất thành phố và tận dụng với hiệu quả cao. *Thứ hai*, cần xây dựng hệ thống giao thông công cộng; giành quyền ưu tiên toàn diện cho các phương thức giao thông công cộng, đồng thời thực hiện kết nối hiệu quả cao và tăng sức hấp dẫn của những phương tiện giao thông công cộng này. *Thứ ba*, cần xây dựng hệ thống giao thông chậm lấy con người làm cơ sở, khởi xướng phương thức đi lại lành mạnh hơn, bảo

vệ môi trường hơn. *Cuối cùng*, cần hoàn thiện toàn bộ hệ thống mạng lưới đường thành phố để thực hiện tốt giao thông thông suốt.

6. Môi trường sinh thái tốt đẹp

Môi trường sinh thái tốt đẹp vừa là giới hạn con người theo đuổi, vừa là yêu cầu cần thực hiện. Khái niệm sinh thái với sự chung sống hài hòa giữa con người và thiên nhiên đang dần trở thành nhận thức chung về sự phát triển của đô thị, cũng là con đường quan trọng để hóa giải mâu thuẫn giữa phát triển và sinh tồn. Có chuyên gia và lãnh đạo đã chỉ ra rằng, phát triển đô thị Trung Quốc cần chú trọng 3 hướng chuyển đổi: phương thức tăng trưởng cần chuyển từ “hao phí năng lượng cao, phát thải cao, ô nhiễm cao” sang “hao phí năng lượng thấp, phát thải thấp, ô nhiễm thấp”; phương thức phát triển từ phát triển tuyến tính “tài nguyên - sản phẩm - rác thải” sang phát triển tuần hoàn; bố cục không gian đô thị, nông thôn cần chuyển từ quảng canh, thiếu trật tự sang thâm canh, có trật tự.

7. Phòng chống tai họa an toàn

Cùng với sự tiến bộ của xã hội, vấn đề an toàn đô thị cũng ngày càng được quan tâm chú ý. An toàn trước hết là sự kiện toàn của hệ thống cơ sở vật chất và hệ thống đảm bảo an toàn của thành phố. Thành phố lựa chọn địa điểm cần ưu tiên hàng đầu là an toàn, theo cái lợi, tránh cái hại; quy mô cần thích hợp, không thể vượt quá khả năng chịu đựng của tài nguyên môi trường nơi đó. Bố cục thành phố cần xem xét đến việc ngăn chặn những tai họa công nghiệp, các hệ thống dễ cháy nổ cần ở xa thành phố. Cần coi trọng bố cục hài hòa, hợp lý của mạng lưới đường ống ngầm. Cần làm tốt quy hoạch phòng chống tai họa, tận dụng đường sá, sông ngòi trong thành phố để quy hoạch xây dựng hệ thống phòng chống tai họa, xác định rõ nơi tránh nạn khẩn cấp như công viên, khu vực xanh, quảng trường, trường học...

8. Khai thác ngầm

“Coi trọng trên mặt đất, xem nhẹ dưới mặt đất” là căn bệnh phổ biến của rất nhiều thành phố của Trung Quốc và đã gây ra sự lãng phí về tài nguyên. Khai thác không gian ngầm là nhu cầu bức thiết trong tận dụng tổng hợp đất đai thành phố. Từ những năm 1950, Nhật Bản đã ra sức khai thác không gian ngầm, hiện tại, nước này không những có một hệ thống đường sắt phát triển mà tại hơn 20 thành phố đã xây dựng được 79 con phố thương mại, thậm chí còn kéo dài tới 5 tầng ngầm, trở thành “thành phố lập thể” nổi tiếng trên thế giới. Vì vậy, khai thác ngầm, hoàn thiện chức năng, xây dựng thành phố lập thể hóa là con đường tất yếu của Trung Quốc.

9. Văn hóa phong phú

Văn hóa là linh hồn của thành phố. Một thành phố phát triển hưng thịnh không chỉ thể hiện ở phương diện vật chất mà cần có cội nguồn văn hóa sâu xa và những thành quả văn hóa phong phú. Nguồn gốc văn hóa thành phố có từ phong cách và diện mạo lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và tinh thần nhân văn, mỗi một thành phố đều có nền văn hóa đáng để tự hào, mấu chốt là ở việc tôn trọng lịch sử, noi gương truyền thống và phát triển tương lai. Thành phố muốn phát triển phải giữ được đặc trưng văn hóa của mình. Ví dụ như Tứ hợp viện của Bắc Kinh hay Thạch khố môn của Thượng Hải đã thể hiện đời sống văn hóa và phong tục tập quán đặc sắc của người dân nơi này.

10. Đa dạng, hòa nhập

Tinh thần của thành phố nằm ở sự đa dạng và hòa nhập. Năm 2007, Ngân hàng phát triển Châu Á lần đầu tiên đưa ra khái niệm “phát triển hòa nhập” của thành phố, tìm kiếm cơ hội tăng trưởng bình đẳng, thực hiện cùng phần vinh trong phát triển bền vững. Đối với Trung Quốc - một nước xã hội chủ nghĩa với dân số lớn, với kết cấu kép đô thị nông thôn, đa dạng, hòa

nhập trở nên hết sức quan trọng. Trong một thành phố đa dạng, hòa nhập, những người có tầng lớp khác nhau, cho dù họ đến từ đâu, đều có thể có được sự thỏa mãn cơ bản về điều kiện vật chất kinh tế, có thể hòa vào nền văn hóa địa phương, hòa vào cuộc sống địa phương để có được nhận thức chung. Điều này có nghĩa là phải xây dựng môi trường cơ hội bình đẳng, cơ chế công bằng và bảo đảm có hiệu quả, phải quan tâm chú ý tới các vấn đề xã hội như dân sinh, việc làm, giáo dục, y tế..., từ đó thực hiện mục tiêu phát triển có lợi cho quần chúng, phát triển hài hòa kinh tế xã hội, xây dựng cuộc sống người dân hạnh phúc.

Đô thị là một hệ thống phức tạp, phát triển

đô thị là một công trình hệ thống phức tạp, trong đó có rất nhiều nhân tố, động thái không xác định, mỗi một người sinh sống tại thành phố lại có những nhu cầu và mong muốn khác nhau. Chúng ta cần lấy quan điểm phát triển khoa học để thống lĩnh toàn cục, lấy tư duy chiến lược để chỉ đạo công tác, lấy tác phong cụ thể để có được hiệu quả thực sự, từ đó xây dựng nên một đô thị tươi đẹp.

Trần Siêu

Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 9/2012

ND: Kim Nhạn

Nguyên tắc và phương pháp thiết kế cảnh quan khu bến nước Nam Dương

Hình tượng đô thị là tác dụng tương hỗ giữa các nhân tố cấu thành rõ nét và tiềm ẩn, sự tác động qua lại và hình thức biểu hiện của chúng dưới tác dụng cấu nối của xã hội. Xét về góc độ hình tượng, hình tượng đô thị còn là sự đánh giá của xã hội đối với đô thị. Thiết kế hình tượng đô thị chính là xây dựng những đặc điểm có thể nhận biết của đô thị và tuyên truyền hình tượng đô thị nhằm tăng cường danh tiếng cho thành phố. Trong thời đại toàn cầu hóa, mọi thành phố đều muốn khoe sắc đậm hoa, chính vì vậy, vấn đề hình tượng đô thị ngày càng được coi trọng. Nằm ở trung tâm khu vực, Nam Dương kết hợp với bố cục sơn thủy và bố cục quy hoạch tổng thể của địa phương mình, tăng cường xây dựng môi trường sinh thái đô thị Nam Dương, tạo nên môi trường cư trú tốt nhất, không những phát huy tác dụng quan trọng đối với việc tối ưu hóa môi trường cư trú, mà còn có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác nâng cao thực lực tổng hợp của đô thị, phát triển đô thị một cách bền vững.

Thông qua nhận thức rõ ràng về hiện trạng

cảnh quan sông nội địa - trung tâm thành phố Nam Dương, bài viết này phân tích các yếu tố cảnh quan sông nội địa, đề ra mục tiêu là nâng cao hình tượng đô thị Nam Dương, đưa ra phương hướng cải tạo cảnh quan sông nội địa và các nguyên tắc cần tuân thủ, ra sức xây dựng môi trường sinh thái sông nội địa, xây dựng không gian bến nước, tái tạo sức sống đô thị và cảnh quan nhân văn.

I. Phân tích hiện trạng sông nội địa thành phố Nam Dương

Có thể khái quát bố cục kết cấu không gian thành phố Nam Dương thành “hai trục, hai vành đai, ba phân khu, bốn điểm, tám sông, hai mươi công viên”. Trong đó, “tám sông” là 6 sông tự nhiên trong khu vực thành phố như sông Ung, sông Ôn Lương, sông Mai Khê, sông Tam Lý, sông Thập Nhị Lý, sông Lật Hà và 2 sông nội địa mới đào ở phía đông và phía Nam thành phố. Đồng thời, thượng du sông Bạch có đập nước Áp Hà, thượng du sông Tam Lý có đập nước La Oa, nguồn tài nguyên môi trường sông

nội địa khu trung tâm thành phố Nam Dương quả là của trời cho. Trong hệ thống sông nội địa, môi trường cảnh quan sinh thái đô thị được quy hoạch thành “tám con sông nước trong xanh, hai bờ toàn cỏ hoa”. Đồng thời, điều cần chú ý là người hiện đại không chỉ đòi hỏi về mỹ quan đối với cảnh quan sông nước của đô thị, mà còn có nhu cầu về sinh thái, nghỉ ngơi du lịch, văn hóa... Xây dựng môi trường sinh thái sông nội địa trong lành, xây dựng không gian thân thiện, tái tạo sức sống đô thị và cảnh quan nhân văn là mục tiêu cá tính của thiết kế cảnh quan sông nội địa thành phố Nam Dương.

II. Những vấn đề còn tồn tại của hệ thống sông nội địa thành phố Nam Dương

Thành phố Nam Dương được thiên nhiên ban cho nguồn tài nguyên môi trường sông nội địa, 8 con sông đan chéo ngang dọc, có hơn 80 km chảy qua khu nội thành, điểm xuyết thêm đập Lan Doanh, đập Cận Trang, đập La Oa, hài hòa với sông Bạch và kênh đào điều phối nước từ phía nam lên phía bắc, cùng hình thành hệ thống sinh thái hoàn chỉnh. Sáu con sông tự nhiên trong khu vực thành phố như sông Ung, sông Ôn Lương, sông Mai Khê, sông Tam Lý, sông Thập Nhị Lý, sông Lật Hà cùng sông Bạch và kênh đào điều phối nước từ phía Nam lên phía Bắc tạo thành hệ thống sông ngòi hình chữ “phi”. Hệ thống sông nội địa là bộ phận cấu thành quan trọng của môi trường nước đô thị. Hiện trạng sông nội địa của thành phố đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình tượng văn minh và bước phát triển của Nam Dương. Hội thể thao nông dân năm 2012 sẽ thu hút sự quan tâm của cả nước, một cảnh quan sông nội địa ảm đạm, thiếu sức sống sẽ khiến cho thành quả xây dựng nhiều năm qua của thành phố bị giảm sút.

1 - Hiện trạng sông nội địa

Nhưng hiện nay sông nội địa còn tồn tại nhiều vấn đề do nguyên nhân ở các mặt khác

nhau. Sông Thập Nhị Lý, sông Mai Khê, sông Ôn Lương chảy qua các đường phố sầm uất náo nhiệt nên rác thải sinh hoạt chất đọng ven sông, khiến cho nước sông không thông thoát vào mùa mưa, chìm xuống sông gây ô nhiễm vào mùa khô. Sông Thập Nhị Lý, sông Dũng, sông Lật Hà lại nằm ở ven thành phố, chưa được xử lý lần nào, hết sức ô nhiễm vào mùa khô. Tóm lại, còn tồn tại những vấn đề sau: a) Hệ thống nước phân bố không đều; b) Các đoạn sông chảy qua thành phố đều có bờ dốc thẳng đứng, chưa hề được xử lý, cản trở sự di chuyển của các động vật lưỡng cư, động vật khó xuống uống nước, giảm bớt tính thân thiện của cảnh quan; c) Sông nội địa bị người dân thành phố gọi là “cống nước thải”, bị các doanh nghiệp xả nước thải công nghiệp, các hộ gia đình xả nước thải sinh hoạt, ô nhiễm nghiêm trọng, chất nước cực bẩn, mùi xú uế nồng nặc; d) Bãi sông cỏ mọc um tùm, hoặc bị người dân thành phố trồng rau cải thiện, xây dựng bờ bãi, nhiều không gian bị bỏ hoang, ô nhiễm nặng nề; e) Chịu ảnh hưởng của địa hình khu vực và khí hậu, dòng chảy của sông thay đổi theo mùa và có tính chu kỳ. Một số sông bị cạn khô trong thời gian dài, không có nước; f) Công trình xây dựng chen chúc hai bờ sông, tạo nên cảnh hỗn độn, chất lượng thấp do xây dựng lâu đời; g) Các con đường chạy dọc ven sông nhỏ hẹp, đi lại và đỗ xe không thuận tiện, lưu thông kém, thiếu sức sống.

2 - Thiếu sự quản lý hữu hiệu

Công tác quy hoạch cảnh quan hệ thống sông nội địa đô thị cũng tồn tại một số vấn đề, các vấn đề này ra đời và tồn tại có mối liên hệ tất yếu với xã hội phát triển và thiết kế đô thị, đồng thời còn liên quan chặt chẽ với quản lý đô thị.

a) Quản lý rác thải đô thị không hữu hiệu, chất đọng ở ven sông, môi trường ô nhiễm nghiêm trọng; công tác xây dựng hệ thống thoát nước trì trệ, nước thải xả trực tiếp ra sông;

chất lượng nước sông giảm sút nghiêm trọng, chức năng thủy vực bị suy yếu và mất đi. Lấy sông Mai Khê làm ví dụ, xung quanh là đường phố buôn bán náo nhiệt, sông bị ứ tắc bởi rác thải sinh hoạt, rác thải xây dựng, rác thải công nghiệp...

b) Diện tích sông ngòi đô thị bị thu hẹp, không gian sông bị phố phường, đường xá, khu thương mại, công trình nhà ở xâm lấn chèn ép, ranh giới sông nội địa đang từng bước bị co lại, sông tự nhiên và sông đào bị san lấp, ngầm hóa, diện tích quy hoạch sông ngòi khó được đảm bảo.

III. Thiết kế cảnh quan khu bến nước cho sông nội địa

Cảnh quan sông ngòi đô thị được quy hoạch theo chức năng, về cơ bản quy hoạch thành khu cảnh quan nghỉ ngơi, khu cảnh quan thương mại, khu cảnh quan thể dục thể thao, khu cảnh quan trồng trọt phủ xanh, khu cảnh quan hội họp, khu cảnh quan giải trí trên nước... Cần phải phát huy tư duy thiết kế “lấy con người làm gốc”, kết hợp với bố cục quy hoạch chính thể của cảnh quan đô thị, mở rộng tối đa khu vực xung quanh lưu vực, hình thành cảnh quan nước. Triệt để quan tâm tới tập quán sinh hoạt, hoạt động của cư dân xung quanh sông nội địa đô thị và du khách, kết hợp với cảm nhận môi trường, sáng tạo khu vực hoạt động nhân văn thân thiện với môi trường, xây dựng nguyên tắc đồng thời quan tâm tới tính đa dạng, công cộng, tầng lớp và lập thể của cảnh quan bến nước.

1 - Nguyên tắc và ý nghĩa của thiết kế cảnh quan

a) Tôn trọng tự nhiên, bảo vệ sinh thái

Tôn trọng tự nhiên, bảo vệ sinh thái là tư duy cơ bản trong quy hoạch thiết kế cảnh quan đô thị, nó phải được quan tâm và thực hiện. Khi thiết kế, công tác phủ xanh một số khu vực bờ sông chưa hoặc ít quan tâm tới thuộc tính tự

nhiên và nhân tố nội tại, mà chỉ chạy theo thẩm mỹ thị giác, phô trương hình thức, hoặc bị yêu cầu công trình hạn chế, chỉ đơn thuần trồng cây trên một diện tích lớn hòng thay thế cho thảm thực vật tự nhiên ở bờ sông. Biểu hiện ở việc xung quanh trồng một hàng cây lớn, phủ xanh xung quanh để một cách nhân tạo giản đơn, cảnh quan tự nhiên tràn đầy sức sống bị phá hoại nghiêm trọng. Nét riêng của cảnh quan thực sự không được phát huy triệt để. Chỉ có lợi dụng hợp lý tài nguyên tự nhiên của bờ sông, lợi dụng tính cộng sinh của thực vật để trồng nhiều loại cây, mới có thể tăng cường khả năng chống thiên tai, chống hạn của chúng. Vì vậy, nhiệm vụ hiện nay là tìm ra điểm kết hợp giữa thiết kế cảnh quan và yêu cầu của công trình, lựa chọn phân bố, cấu hình và mật độ hợp lý, khôi phục lại tính bền vững và tính tự điều tiết của cảnh quan tự nhiên.

b) Nguyên tắc thiết kế cảnh quan nhân văn đô thị

Nguyên tắc thiết kế cảnh quan nhân văn đô thị phải tuân thủ một số điểm sau đây: Bảo vệ cảnh quan tự nhiên và cảnh quan nhân văn, kết hợp hữu cơ hình tượng cục bộ và hình tượng chính thể của đô thị, đồng thời cảnh quan nhân văn cần phải phù hợp với phong tục tập quán dân dã và có nét độc đáo, tính nhân văn trong thiết kế cảnh quan bến nước thể hiện ở sự dễ chịu thoải mái, thân thiện và ấn tượng của không gian bến nước, không gian nghỉ ngơi phải đa dạng phong phú. Dù là thiết kế chính thể hay là thiết kế cục bộ đều cần phải đưa vào và bảo tồn nét văn hóa nông hậu, mạch nối lịch sử. Ví dụ, tứ Thánh của Nam Dương có thể thể hiện hình tượng đô thị của thành phố Nam Dương, khiến cho cảnh quan đô thị tràn trề sức sống và nét riêng, đồng thời có tác dụng cực kỳ quan trọng đối với việc lột tả và kế thừa nền văn hóa Nam Dương, thoát khỏi tính đơn điệu và tẻ nhạt của cảnh quan đô thị, tạo nên cảnh quan đô thị đậm nét đặc sắc địa phương.

2 - Thiết kế cảnh quan bến nước

Cảnh quan bến nước bao gồm cảnh quan tự nhiên, cảnh quan nhân tạo và cảnh quan nhân văn. Cảnh quan “mềm” được định nghĩa trong chuyên ngành quy hoạch cảnh quan bao gồm mặt nước với gợn sóng lấp lánh, thảm thực vật trên bờ, cỏ lau lúp xúp, đảo nhỏ du lịch, ánh mặt trời rục rỡ... Bảo vệ, khôi phục những cảnh quan bến nước này, tạo nên cảnh quan giữ gìn sinh thái phong phú là vấn đề quan trọng trong thiết kế cảnh quan ngày nay. Cảnh quan “cứng” đề cập trong chuyên ngành là đề bảo vệ, đề phòng hộ, cầu cống và các công trình xây dựng khác bên sông. Con người hoạt động trong không gian sông và cảnh quan do con người tạo nên - ví dụ, hoạt động nhân văn hữu quan như hoạt động tụ họp, biểu diễn, lễ tết... của con người - được gọi là cảnh quan nhân văn, mạch lịch sử của thành phố kế thừa một phần cảnh quan nhân văn đó.

a) Không gian khu bến nước

Điều chỉnh không gian khu bến nước thông thoáng về thị giác rất quan trọng; phải triệt để quan tâm và tăng cường lợi dụng quá trình hoàn lưu không khí, cảnh quan bến nước là tài sản môi trường của thành phố, là không gian mở công cộng trong thành phố, công viên của cư dân đô thị. Vì vậy, không thể xây dựng những tòa nhà to lớn bao quanh không gian này, một số hạng mục khai thác bến nước chú trọng tới việc mở rộng tầm nhìn của các công trình xây dựng riêng lẻ, đồng thời tránh cản trở hành lang thị giác của mọi người tới không gian sông nước. Khi thiết kế, cần hạ thấp mật độ công trình xây dựng khu bến nước, hoặc xây dựng công trình một hai tầng, khiến cho không gian khu bến nước thông thoáng với không gian bên trong thành phố. Điều chỉnh công trình xây dựng, phương hướng bố cục đường phố trong không gian khu bến nước sẽ đưa gió sông vào thành phố, giảm bớt ô nhiễm và nhiệt độ, làm phong phú cảnh sắc của đường phố. Bảo vệ những vùng đất ẩm, mặt nước quần thể thực vật

của bờ sông, tạo nên không gian đệm giữa khu đô thị và ngoại ô thôn dã, lợi dụng nó để đưa không khí tự nhiên và gió mát của ngoại ô vào khu nội thành, cải thiện chất lượng môi trường không khí đô thị. Hành lang không gian mở của sông nước còn cần phải cùng với hệ thống không gian mở bên trong đô thị tạo thành một mạng lưới hoàn chỉnh.

b) Điều chỉnh cơ cấu thực vật ở khu bến nước

Xét về tầng thiết kế thảm thực vật cảnh quan bến nước, theo quan niệm “thiết kế phải phù hợp với đặc điểm địa phương”, có thể rút ra nguyên tắc thiết kế thảm thực vật cảnh quan bến nước:

Lựa chọn thực vật phủ xanh: chủ yếu lựa chọn các loài thực vật địa phương thích nghi với môi trường nhiều nước hoặc thực vật thủy sinh dễ sinh tồn, chăm sóc các loài thực vật địa phương thích nghi với môi trường nhiều nước hoặc thực vật thủy sinh, đồng thời coi trọng quy hoạch các quần thể thực vật ở bến nước, chúng vô cùng quan trọng đối với vành đai giao thoa sinh thái giữa bến nước và phía trong đô.

Khi phủ xanh bờ sông chảy trong thành phố: cần cố gắng áp dụng phương thức thiết kế tự nhiên. Khác với thiết kế truyền thống, thiết kế thảm thực vật tự nhiên yêu cầu: căn cứ vào nhu cầu tạo cảnh của các điểm tại các khu cảnh quan bến nước, tiến hành phối trí nhiều loài thực vật, lợi dụng không gian có trật tự thời gian và không gian rậm rạp - thoáng đãng - nửa thoáng đãng để tổ chức phối trí thực vật. Đồng thời, mượn thủ pháp biểu hiện của công viên hiện đại, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, điều chỉnh bố trí hợp lý, khiến cho các loài bổ sung lẫn cho nhau nhằm triệt để đáp ứng nhu cầu về chức năng và ý nghĩa nghệ thuật, đạt yêu cầu rục rỡ về mùa xuân, râm mát về mùa hè, sâu lắng về mùa thu, nồng đậm về mùa đông, tạo nên cảnh quan vừa truyền thống vừa phong phú đa dạng.

c) Xử lý bờ dốc

Khi xử lý bờ dốc, cần phải chú trọng hình thái tự nhiên và tính năng thoát nước. Cần phải tăng cường mở rộng ứng dụng bờ dốc sinh thái. Bờ dốc sinh thái là bờ dốc nhân tạo có tính thẩm thấu của bờ sông tự nhiên sau khi khôi phục, nó có thể bảo đảm triệt để chức năng điều tiết và trao đổi nước, đồng thời có khả năng chống lũ nhất định. Đối với việc thoát nước thải, có thể thông qua lắp đặt đường ống nước thải, dẫn nước thải tới nhà máy xử lý nước thải, như vậy sẽ khiến cho nước sông nội địa đô thị dần trong xanh trở lại.

3 - Thiết kế bổ trợ

a) Thiết kế đường xá ven sông

Khi thiết kế đường xá ven sông, cần cố gắng kết hợp với tình hình thực tế của đoạn sông chảy qua thành phố, kết hợp hữu cơ tình hình giao thông, khiến cho giao thông đường bộ, giao thông bộ hành, giao thông trên nước và bến cảng hoàn chỉnh và tiện lợi, tạo cơ sở cho việc lui tới. Ngoài ra, còn phải chú trọng tính đặc thù của nước sông, tăng cường mối liên hệ giữa thiết kế đất phủ xanh, dịch vụ xung quanh và mặt sông, khiến cho cư dân đô thị có thể gần gũi với mặt nước hơn.

b) Thiết kế công trình xây dựng ven sông

Hạn chế chiều cao và mật độ công trình xây dựng ven sông, quản lý chặt chẽ công trình xây dựng xung quanh cảnh quan bến nước, khiến cho tính năng sinh thái của sông được lợi dụng và phát huy tối đa, tăng cường sự thông thoáng của sông nội địa đô thị đối với thành phố.

c) Thiết kế hệ thống phủ xanh

Cố gắng mở rộng đất phủ xanh ven sông, hình thành dải phủ xanh phong phú gồm nhiều tầng, phác thảo nên tuyến hành lang đô thị, cạnh tranh chất lượng môi trường đô thị, thông qua hệ thống phủ xanh phong phú đa dạng để hoàn thiện phối trí các quần thể thực vật, nâng cao hình tượng đô thị, chú trọng thay đổi về thời gian, không gian và mùa, hình thành dải phủ

xanh hoàn chỉnh và thống nhất ở ven sông, tạo dựng hình tượng đô thị xanh tươi bốn mùa.

IV. Lời kết

Công tác xây dựng thành phố Nam Dương giàu nét đặc sắc cần được chia ra làm bốn mặt:

1 - Nét đặc sắc của đô thị. Định vị ở đô thị nổi tiếng về văn hóa và lịch sử.

2 - Bầu không khí sinh hoạt ổn định, hài hòa. Hai mặt này có thể phản ánh đầy đủ nét đặc sắc của con người Nam Dương và nét đặc sắc của môi trường xã hội Nam Dương.

3 - Nét đặc sắc của sản phẩm và nét đặc sắc của nền sản xuất, bao gồm các nội dung cơ bản như nông sản phẩm phụ, dược phẩm, nguyên liệu đá quý, sản xuất gia công, các ngành sản xuất kỹ thuật cao, xây dựng thương hiệu hóa...

4 - Nét đặc sắc của đời sống xã hội. Gìn giữ tính cách và phẩm chất của người Nam Dương thuần hậu, linh hoạt, tràn đầy sức sống và nhiệt tình, bồi dưỡng bầu không khí sinh hoạt an toàn, ổn định và hài hòa. Hai mặt này có thể thể hiện triệt để nét đặc sắc của người Nam Dương và nét đặc sắc của môi trường xã hội thành phố Nam Dương. Đại hội Thể thao nông dân toàn quốc năm 2012 cũng đẩy mạnh hình thành cảnh quan sông nước đô thị.

Người ta đánh giá chất lượng một cảnh quan không dựa vào sự chông chênh ấn tượng của các điểm cảnh quan, mà căn cứ vào sự tiếp nối của cảnh quan chính thể được thể hiện về không gian thời gian ba chiều. Xã hội ngày một phát triển, thời đại mới đang tới, nhu cầu đời sống tinh thần của mọi người ngày một nâng cao, hình thức đất phủ xanh giản đơn đã không còn đáp ứng được nhu cầu tâm sinh lý của người dân. Trọng trách của cán bộ thiết kế hiện nay là phải trả lời các câu hỏi “Người ta thích nghỉ ngơi ở những nơi nào?”, “Môi trường nào có thể giữ chân mọi người?” Nam Dương được thiên nhiên ban cho nguồn tài nguyên sông ngòi, cảnh quan bến nước là nơi cư dân thành phố

thích đến nghỉ ngơi, cũng là cánh cửa thể hiện bộ mặt tinh thần của Nam Dương. Khai thác và lợi dụng cảnh quan bốn nước đô thị, kiên trì đi theo con đường phát triển bền vững, tạo điều kiện phát triển trong tương lai. Tăng cường xây dựng môi trường sinh thái đô thị, tạo ra môi trường cư trú thoải mái thuận tiện có tác dụng quan trọng đối với việc tối ưu hóa môi trường cư

trú, có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đô thị, nâng cao thực lực tổng hợp đô thị, thực hiện mục tiêu phát triển đô thị.

Vương Đình Đình

Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc số 8/2012

ND: Hoàng Thế Vinh

Trung Quốc lên kế hoạch giảm xây dựng “Nhà xám”, tăng xây dựng “Nhà xanh”

Trung Quốc đang thực hiện những bước tiến đáng kể trong việc chuyển đổi từ mô hình chi phí sản xuất cao, gây ô nhiễm, không bền vững sang mô hình sản xuất có năng suất cao, chi phí sản xuất thấp, thân thiện với môi trường, có trình độ tiên tiến và có tính bền vững cao. Qua hai kỳ họp Đại hội Đại biểu toàn quốc và Hội đồng nhân dân các cấp có thể thấy từ Trung ương đến địa phương đều quan tâm đến những vấn đề xoay quanh ngành Xây dựng. Những ngôi “nhà xanh” được xây dựng từ những vật liệu “xanh” bảo vệ môi trường nhận được sự ủng hộ của Chính phủ, đồng thời cũng là định hướng chủ đạo của Chính phủ trong kế hoạch chuyển đổi sử dụng vật liệu xây dựng và ngành công nghiệp có liên quan đến sản xuất vật liệu xây dựng. Giảm xây dựng “nhà xám”, tăng cường xây dựng “nhà xanh” là thử thách lớn cho các doanh nghiệp vật liệu xây dựng trong cuộc chiến giành thị phần trong năm 2013.

Nội dung của hai kỳ họp có đưa ra mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong thời kỳ nền kinh tế cả nước đang gặp phải nhiều khó khăn, ngành công nghiệp nào nhận được sự ủng hộ của Chính phủ thì sẽ tiếp tục được phát triển, còn lại sẽ từng bước bị đào thải để giảm bớt gánh nặng cho nền kinh tế, đồng thời tập trung mũi nhọn vào phát triển ngành công nghiệp xanh, bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

Từ ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng mới chuyển sang ngành công nghiệp bảo vệ môi trường

Tại Bắc Kinh, chính quyền thành phố này cũng tuyên bố: Bắc Kinh sẽ tập trung xây dựng những công trình sử dụng năng lượng hiệu quả, có khả năng cách nhiệt và bảo ôn tốt, đảm bảo người dân sẽ được sống trong những ngôi nhà được xây dựng bằng vật liệu “xanh”, thấp cacbon, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và phù hợp với nơi ở. Hướng ứng theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Bắc Kinh quyết tâm giảm xây “nhà xám”, tăng xây dựng “nhà xanh”.

Sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm và bảo ôn trong công trình xây dựng chính là nói đến vật liệu làm tường và cửa sổ cách nhiệt. Hai hạng mục này được thi công tốt và sử dụng những vật liệu “xanh” để hoàn thiện thì sẽ tiết kiệm được một lượng lớn nguồn năng lượng bị tiêu hao, thất thoát, nhất là đối với thành phố có bốn mùa phân biệt rõ rệt như Bắc Kinh, đồng thời cũng tạo ra cuộc sống thoải mái hơn cho người dân trong thành phố. Hơn nữa, việc chuyển từ ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng mới sang ngành công nghiệp bảo vệ môi trường thông qua xử lý các vấn đề của lò nung, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất, rác thải công nghiệp, khí thải, nước thải cũng là mục tiêu để ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trở thành ngành sản xuất mũi nhọn của nền kinh tế mà vẫn bảo vệ được môi trường.

Tuy nhiên, hiện nay tại Trung Quốc việc sử dụng nồng độ formaldehyde vượt quá mức cho phép trong trang trí kiến trúc, hệ thống xử lý rác thải công trình xây dựng còn kém vẫn là những vấn đề được quan tâm và cần tìm ra các giải pháp tối ưu nhất để bảo đảm môi trường cũng như an toàn cho người dân. Tại Bắc Kinh, các tập đoàn lớn như Tập đoàn Vạn Khoa, Tập đoàn Xây dựng Vạn Thành... đang trình lên Chính phủ những đề án sản xuất vật liệu xây dựng “xanh” phát triển công nghiệp nhà ở, để án nước sạch... để được phê duyệt và sớm đưa vào thực thi. Theo dự đoán của các nhà kinh tế, trong tương lai ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh sẽ phát triển mạnh, vì đó không chỉ là nhu cầu của Trung Quốc mà còn là nhu cầu của cả thế giới.

Nhu cầu về vật liệu xây dựng xanh trở thành sức kéo

Hiện nay các công trình nhà ở tại Trung Quốc phần lớn vẫn tiêu tốn nhiều năng lượng, diện tích xây dựng nhỏ nhưng sử dụng năng lượng nhiều gấp 3 đến 4 lần so với các quốc gia phát triển. Nếu như không áp dụng các biện pháp tích cực nhằm tiết kiệm năng lượng thì không thể giảm được lượng năng lượng tiêu hao dù chỉ là một phần nhỏ, và cũng không thể đạt được mục tiêu tăng GDP cả nước lên gấp đôi, đây chính là nguyên nhân tất yếu hạn chế sự phát triển bền vững của Trung Quốc.

Với sự phát triển nhanh chóng của ngành xây dựng, và tốc độ xây dựng ngày càng tăng thì vấn đề đô thị hóa cũng là vấn đề được quan tâm. Hiện tại có khoảng 40% dân số Trung Quốc sống ở các thành phố. Theo ước tính, sẽ có khoảng 350 triệu người Trung Quốc sống ở khu vực đô thị vào năm 2025, nâng số người dân đô thị của Trung Quốc lên con số một tỷ, quá trình đô thị hóa phát triển nhanh chóng,

kéo theo đó là sự biến động của thị trường bất động sản. Chính vì thế, chính phủ Trung Quốc càng quan tâm hơn đến việc đô thị hóa kết hợp với xây dựng xanh, giảm thiểu sự tiêu hao năng lượng trong quá trình xây dựng và sử dụng nhà ở, chính phủ cũng có những động thái tích cực về mặt chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng sử dụng vật liệu xây dựng xanh. Một mặt có thể điều chỉnh kết cấu vật liệu xây dựng, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, mặt khác có thể nhanh chóng thực hiện tốt “Kế hoạch hành động kiến trúc xanh” mà Nhà nước vừa đưa ra. Chủ trương của Chính phủ là thúc đẩy chiến dịch đô thị hóa mới nhưng không phải là tiếp tục lấy việc mở rộng đất đai làm nòng cốt, không phải là xây dựng quy mô đầu tư lớn như đô thị hóa truyền thống, mà định hướng theo hướng tiết kiệm tài nguyên, sử dụng năng lượng hiệu quả cao, đưa ra những mô hình nhà ở thân thiện với môi trường. Trong báo cáo thường niên của Hiệp hội Bất động sản Trung Quốc, điều kiện sống của những người nông dân sau khi thành thị hóa đã được cải thiện rõ rệt, điều quan trọng là không làm mất đi bản sắc văn hóa riêng của từng vùng miền.

Trung Quốc đang tăng cường công nghiệp hóa, thông tin hóa, đô thị hóa, nông nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngoài việc áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng công nghiệp khác còn cần ưu tiên cho các thiết kế mang tính tiết kiệm năng lượng và các vật liệu xây dựng xanh làm chủ lực, nhằm phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng “xanh” - thấp cacbon.

Trần Tiểu Liệt, Trường Xuân

Báo Xây Dựng Trung Quốc ngày 7/2/2013

ND: Quỳnh Anh

Hội nghị Tổng kết hoạt động năm 2012 và phương hướng hoạt động năm 2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản

Sáng ngày 22/2/2013 tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản đã tổ chức Kỳ họp thứ X - Tổng kết hoạt động năm 2012 và phương hướng hoạt động năm 2013. Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải - Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản; các thành viên Ban Chỉ đạo gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Ngân hàng Nhà nước, UBND thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; đại diện các Hội, Hiệp hội bất động sản và các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - kinh tế và bất động sản.

Tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải, các thành viên Ban Chỉ đạo và các đại biểu tham dự đã nghe Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2012, kế hoạch hoạt động năm 2013 của Ban Chỉ đạo do Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Phạm Trung Tuyến trình bày; Báo cáo tình hình phát triển nhà ở và thị trường bất động sản năm 2012 do Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam - thành viên Ban Chỉ đạo trình bày; các tham luận và ý kiến phát biểu của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, UBND thành phố Hồ Chí Minh, Tổng hội XĐVN, Hiệp hội Bất động sản Việt Nam, Hiệp hội Bất động sản thành phố Hồ Chí Minh, các chuyên gia về tài chính và bất động sản.

Theo Báo cáo Văn phòng Ban Chỉ đạo, trong năm 2012, Bộ Xây dựng - Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành thành viên Ban Chỉ đạo hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Đặc biệt, Bộ Xây dựng với Tổng Liên đoàn LĐVN, các thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh đã ký kết Chương trình phối hợp hành động thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đồng thời tổ chức các đoàn công tác trực tiếp hướng dẫn các địa phương trọng điểm thực hiện Chiến lược. Để giải quyết nhu cầu nhà ở cho đa số người dân và hỗ trợ "phá băng" thị trường bất động sản, Bộ Xây dựng đã triển khai một số công việc quan trọng để đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội như: cùng với các Bộ, ngành thành viên Ban Chỉ đạo nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; phối hợp với Ngân hàng BIDV, Ngân hàng VietinBank về gói hỗ trợ cho vay ưu đãi để xây dựng nhà ở xã hội; hoàn thành sớm Chương trình hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở tại khu vực nông thôn (Chương trình 167); đôn đốc việc thực các chương trình nhà ở trọng điểm khác như Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2, triển khai thí điểm hỗ trợ hộ nghèo xây dựng chòi tránh lũ, lụt tại

các tỉnh Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung theo Quyết định số 716/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đôn đốc hoàn thành các dự án nhà ở cho sinh viên theo Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trong năm 2012, các thành viên Ban Chỉ đạo đã phối hợp cùng cơ quan chủ trì nghiên cứu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản, đề án quan trọng như: Quyết định về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (QĐ 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012); Đề án và dự thảo cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2011-2015 (Chương trình 167 giai đoạn 2); Nghị định về phát triển nhà ở xã hội để bán, cho thuê và cho thuê mua; Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Đề án nâng cao chất lượng đầu tư, hiệu quả quản lý nhà nước và định hướng đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản giai đoạn 2011-2020; Đề án thành lập quỹ tiết kiệm nhà ở; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ của Chính phủ; Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trước tình hình thị trường bất động sản trầm lắng, hàng tồn kho lớn làm tăng nguy cơ nợ xấu của hệ thống ngân hàng và ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế và các doanh nghiệp ngành Xây dựng, các thành viên Ban Chỉ đạo đã có nhiều buổi làm việc với các doanh nghiệp thuộc các hiệp hội bất động sản và các doanh nghiệp đầu tư lớn để tìm hiểu nguyên nhân, lắng nghe ý kiến từ thực tiễn để nghiên cứu đề xuất các giải pháp hỗ trợ thị trường bất động sản được Chính phủ đưa vào Nghị quyết số 02/CP ngày 07/01/2013 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu trong lĩnh vực bất động sản.

Về kết quả triển khai các chương trình nhà ở

trọng điểm và tình hình thị trường bất động sản năm 2012, theo báo cáo của Bộ Xây dựng - cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về Chính sách nhà ở và thị trường bất động sản, đến nay các địa phương trên cả nước đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho 519.862 hộ nghèo, đạt 104,8% so với kế hoạch phê duyệt ban đầu và đạt 96,4% so với số lượng thực tế phải hỗ trợ sau khi rà soát bổ sung. Hoàn thành quy hoạch, lựa chọn địa điểm xây dựng 172 dự án trong Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, đã khởi công xây dựng 166/172 dự án, đạt 97%, hoàn thành tôn nền, đắp bờ bao 132/172 dự án đạt 77%. Chương trình triển khai thí điểm hỗ trợ hộ nghèo xây dựng chòi phòng chống lũ, lụt tại các tỉnh Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung đã khởi công xây dựng tại 451/700 hộ, đạt 64% kế hoạch, 140 hộ đã hoàn thành xây dựng, đạt tỷ lệ 20%. Tất cả các chòi tránh lũ, lụt đã hoàn thành xây dựng đều có sàn vượt mức ngập cao nhất tại vị trí xây dựng và có diện tích tối thiểu từ 10m² trở lên, chất lượng kiên cố, kiểu dáng mẫu mã đa dạng phù hợp điều kiện cụ thể từng gia đình. Trong 04 năm 2009-2012 đã phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ cho Chương trình phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên là 10.217,8 tỷ đồng, đạt khoảng 81% so với tổng số vốn theo kế hoạch được giao, 39/40 dự án đều đang trong giai đoạn hoàn thiện và sẽ hoàn thành trong năm 2013.

Bên cạnh việc xây dựng các cơ chế chính sách phát triển nhà ở xã hội, Bộ Xây dựng đã trực tiếp chỉ đạo một số địa phương trọng điểm và một số doanh nghiệp triển khai các dự án nhà ở xã hội để rút kinh nghiệm từ khâu thiết kế, công nghệ xây dựng và quản lý vận hành, phổ biến áp dụng rộng rãi.

Kết quả hiện đã có 56 dự án nhà ở cho người thu nhập thấp khởi công xây dựng với tổng mức đầu tư khoảng hơn 10.000 tỷ đồng, quy mô xây dựng hơn 1,8 triệu m² sàn, đáp ứng được khoảng 130.000 người có thu nhập thấp.

Trong số đó có 27 dự án đã hoàn thành, quy mô xây dựng hơn 800.000m² sàn.

Về nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, đã có 94 dự án được triển khai, với tổng mức đầu tư trên 7.550 tỷ đồng, quy mô xây dựng khoảng 2 triệu m² sàn, đáp ứng chỗ ở cho 177.600 công nhân. Trong đó đã có 62 dự án với tổng mức đầu tư 2.800 tỷ đồng đã hoàn thành, đáp ứng chỗ ở cho 67.000 công nhân.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đánh giá cao nỗ lực của các Bộ, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo trong năm 2012 trong việc chỉ đạo, đôn đốc và triển khai có hiệu quả các chương trình nhà ở trọng điểm, vào cuộc một cách quyết liệt cùng với Chính phủ và các địa phương trong việc tháo gỡ khó khăn cho lĩnh vực bất động sản.

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cũng đánh

giá cao ý kiến của các Hội, Hiệp hội bất động sản và các chuyên gia tài chính - bất động sản tại Hội nghị. Trong năm 2013, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải yêu cầu các thành viên Ban Chỉ đạo tiếp tục tổ chức các đoàn công tác đi kiểm tra thực tế tại các địa phương; hoàn thiện các thể chế quản lý; tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết số 01 và 02 của Chính phủ; tiếp tục triển khai các chương trình nhà ở, cơ cấu lại thị trường bất động sản, rà soát lại các dự án nhà ở xã hội đã được xây dựng nhưng chưa có người vào ở, các dự án nhà ở xã hội đang triển khai nhưng thiếu vốn; thực hiện việc công khai thông tin về các dự án bất động sản, xây dựng quy hoạch ứng phó biến đổi khí hậu đối với các đô thị ven biển...

Minh Tuấn

Bệnh viện Xây dựng kỷ niệm 58 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam

Chiều ngày 26/2/2012 tại Hà Nội, Bệnh viện Xây dựng đã long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 58 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/2/1955-27/2/2013), tổng kết hoạt động năm 2012 và triển khai nhiệm vụ công tác y tế ngành Xây dựng năm 2013. Đến dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Việt Tiến; Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Cao Lại Quang, Nguyễn Trần Nam, Nguyễn Đình Toàn; Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình; đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ của Bộ Y tế, Bộ Xây dựng (BXD); các cơ quan, đơn vị có quan hệ hợp tác với Bệnh viện Xây dựng.

Lễ Kỷ niệm 58 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam của Bệnh viện Xây dựng cũng vinh dự được tiếp đón đồng chí Nguyễn Văn Chí - Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị - Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương; đồng chí Nguyễn Mạnh Kiểm - nguyên Bộ trưởng BXD, và các đồng chí nguyên là lãnh đạo Bộ Y tế, BXD.



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu tại buổi Lễ

Tại buổi Lễ, thay mặt Ban lãnh đạo Bệnh viện Xây dựng, Giám đốc Bệnh viện Xây dựng Nguyễn Thị Hằng đã đọc diễn văn kỷ niệm 58 năm ngày Bác Hồ gửi thư cho ngành Y tế, đồng thời báo cáo về kết quả hoạt động năm 2012, phương hướng nhiệm vụ năm 2013 của công tác y tế ngành Xây dựng.

Theo báo cáo, năm 2012, Bệnh viện Xây

dựng đã nỗ lực phấn đấu, nâng cấp đội ngũ chuyên môn cả về số lượng và chất lượng, xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu cao về chăm sóc sức khỏe của cán bộ công nhân viên chức, lao động ngành Xây dựng và hơn 71.000 thể Bảo hiểm y tế.

Bệnh viện Xây dựng luôn thực hiện tốt các quy chế chuyên môn, đổi mới tác phong phục vụ, triển khai nhiều kỹ thuật chẩn đoán và điều trị công nghệ cao, tổ chức tốt việc khám sức khỏe định kỳ, đo môi trường lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho các đơn vị trong ngành Xây dựng, chỉ đạo mạng lưới y tế cơ sở phòng chống dịch bệnh và các chương trình y tế quốc gia do Bộ Xây dựng, Bộ Y tế giao... Với những thành tích đạt được, Bệnh viện Xây dựng đã được Chính phủ tặng Cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2012.

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Viết Tiến bày tỏ vui mừng và ghi nhận những kết quả đã đạt được trong năm 2012 của Bệnh viện Xây dựng, đồng thời chúc mừng toàn thể cán bộ, công nhân viên chức, lao động của Bệnh viện Xây dựng nhân Ngày truyền thống của ngành Y tế.

Thứ trưởng Nguyễn Viết Tiến nhấn mạnh, mặc dù Bệnh viện Xây dựng là bệnh viện của ngành Xây dựng nhưng cũng nằm trong hệ thống y tế, do đó Bệnh viện Xây dựng cần phối hợp chặt chẽ với các bệnh viện khác trên địa bàn trong công tác điều trị và khám chữa bệnh, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ y, bác sĩ nhằm phục vụ tốt hơn trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân và cán bộ, công nhân viên chức lao động ngành Xây dựng.

Tại Lễ Kỷ niệm 58 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam tại Bệnh viện Xây dựng, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng và toàn thể cán bộ, công nhân viên chức, lao động trong ngành Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang gửi lời chúc



Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Viết Tiến phát biểu tại buổi Lễ

mừng và tri ân tới toàn thể cán bộ, công nhân viên của Bệnh viện Xây dựng trong những năm qua đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên chức, lao động ngành Xây dựng.

Thứ trưởng Cao Lại Quang cũng đánh giá cao nỗ lực của đội ngũ cán bộ y tế ngành Xây dựng trong những năm qua. Mặc dù năm 2012 có nhiều khó khăn nhưng khối y tế ngành Xây dựng đã làm được rất nhiều việc, bệnh viện ngày càng khang trang hơn, thái độ phục vụ ân cần, văn minh hơn, nhiều thiết bị hiện đại hơn, qua đó cho thấy sự quan tâm của ban lãnh đạo Bệnh viện Xây dựng trong việc nâng cao chất lượng phục vụ và dịch vụ y tế.

Thứ trưởng Cao Lại Quang nhấn mạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ là nhiệm vụ quan trọng đối với Bệnh viện Xây dựng. Do đó, trong thời gian tới, Bệnh viện Xây dựng cần hết sức quan tâm đến việc đào tạo nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ làm công tác y tế, nâng cao năng lực kỹ thuật và quan tâm nhiều hơn đến công tác y tế dự phòng trên các công trường xây dựng, các cơ sở sản xuất của ngành Xây dựng.

Minh Tuấn

Triển vọng phát triển của thành phố Moskva mở rộng - nhìn từ góc độ giao thông đô thị

Thủ đô Moskva của Nga đang trải qua những biến động phức tạp, trước hết là những thay đổi trong chính sách xây dựng đô thị và trong xây dựng. Thủ đô là một siêu đô thị khổng lồ, từ lâu đã tồn tại và phát triển gần như độc lập với vùng Moskva. Tuy vậy trên thực tế, Moskva và vùng Moskva gắn bó mật thiết bởi những mối quan hệ đa dạng, tạo nên một tổ chức phức hợp thống nhất. Moskva và vùng Moskva - cũng như Saint Peterburg và vùng Saint Peterburg - đều rất hấp dẫn với các nhà đầu tư xây dựng; và vốn đầu tư vào khu vực này cho tới thời điểm cách đây không lâu đã mang tính chất “lấn át” đối với cơ cấu xã hội cũng như quy hoạch đô thị.

Ngược dòng lịch sử, thành phố được xây dựng vào thế kỷ XII dưới hình thức một pháo đài thời trung cổ, cho tới nay vẫn duy trì và phát triển theo hệ thống đường tròn hướng tâm. Từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX đã có 7 lần thành phố được quy hoạch tổng thể, trong đó 4 lần quy hoạch được tiến hành trong thời Xô Viết và hậu Xô Viết. Quy hoạch tổng thể Moskva năm 1935 (thời Stalin) được đánh giá rất cao, tuy thế hiện triệt để tính sắt thép của người đứng đầu chính quyền Xô Viết khi đó - một sự tổng hợp cả giấc mơ xã hội chủ nghĩa và tham vọng bành trướng của chủ nghĩa đế quốc. Toàn bộ cơ cấu của thành phố biến đổi một cách sâu sắc sau lần quy hoạch này. Song dư âm năm 1935 để lại vẫn là hệ thống vòng tròn hướng tâm cố hữu. Quy hoạch tổng thể năm 1971 được coi là đồ án quy hoạch đẹp, có chất lượng về mặt môi trường sinh thái. Những cung đường giao thông, những vạt đất xanh mướt gần như xuyên suốt thành phố, từ ngoại thành tới tận trung tâm khiến diện mạo Moskva càng thêm sinh động.

Tất cả các đồ án quy hoạch tổng thể đều xem xét trước vấn đề sáp nhập các vùng mới

vào Moskva. Quy hoạch tổng thể năm 1971 đã xác nhận ranh giới của Thủ đô theo đường vành đai Moskva, thêm thị trấn Zelenograd, Solsevo và một số khu vực dân cư. Các lần quy hoạch tổng thể sau đó - vào các năm 2005 và 2010 - diễn ra mà không có việc gia tăng diện tích cho Thủ đô; song chính sách đầu tư xô bồ dường như làm đảo lộn tất cả. Đường phố trong thành phố vẫn ở mức “vạch đỏ” của lần quy hoạch thực hiện năm 1971; trong khi mật độ xây dựng tăng chóng mặt. Bên cạnh đó, sự gia tăng mật độ giao thông, dân số và lượng ô tô khiến tình trạng ùn tắc giao thông xuất hiện với tần suất ngày càng cao. Không gian lịch sử của Thủ đô bị xâm phạm: người ta dỡ bỏ hay nói một cách khác là “phục chế” nhiều công trình cổ; xây dựng các tòa nhà hành chính và những tòa chung cư cao ngất, những tổ hợp thương mại rộng lớn... Môi trường sinh thái bị ảnh hưởng rõ rệt; và vấn đề còn trầm trọng thêm nữa bởi vành đai rừng phòng hộ ngoại ô Moskva gần như đã hoàn toàn biến mất. Không thể không xót xa bởi mới vài chục năm trước thôi, thành phố còn tràn đầy dáng vẻ của một siêu đô thị hiện đại và phát triển năng động.

Những biến động về chính trị - sự thay đổi bộ máy chính quyền và người đứng đầu thành phố, trong đó có cả sự thay đổi trong tổ hợp xây dựng (Kiến trúc sư trưởng của Moskva bị bãi nhiệm cách đây ít lâu) - có thể là một tín hiệu tốt để Thủ đô khởi sắc. Đối với sự phát triển của Moskva, chính quyền đã có những bước đi dũng cảm và hợp lý - quyết định mở rộng diện tích Moskva tới 1,5 lần so với diện tích cũ. Bên cạnh rất nhiều khó khăn mà Chính quyền sẽ đối mặt trong thời gian tới đây để có thể chuyển giao trọn vẹn “chức năng thủ đô” cho những vùng mới được sáp nhập, thì giao thông đô thị và sơ đồ phát triển giao thông khu vực trung

tâm là một vấn đề bức thiết cần được quan tâm. Thay vì đưa dòng giao thông Tây - Đông và Bắc - Nam ra khỏi Moskva, các tuyến giao thông này lại một lần nữa được hoạt động xuyên qua khu vực Moskva. Mật độ vận chuyển hàng hóa ngày càng lớn, trong khi đó quần thể đô thị trung tâm vẫn phát triển theo hệ thống đường tròn hướng tâm - thực sự chỉ tạo nên một “cái nắp” cho thành phố. Việc xây dựng đường vành đai mới nhiều làn xe cách Thủ đô 40 - 60 km khiến toàn bộ việc vận chuyển hàng hóa sẽ đi qua Moskva và vùng Moskva. Bán kính hợp lý ở đây phải là 100 km; và đường vành đai đi qua những vùng mới được sáp nhập sẽ hoạt động dưới hình thức các tuyến đường thu phí.

Kế hoạch xây dựng tuyến đường “Saint Peterburg - Moskva” là ý tưởng hay nhằm kết nối 02 siêu đô thị của nước Nga trên một đường thẳng; song không phù hợp với xu thế của thời đại. Toàn bộ dòng giao thông Tây - Đông và Đông - Tây đi qua Moskva. Hệ thống đường tròn hướng tâm tạo nên sự di chuyển hướng tâm mạnh mẽ, và gần như khiến các tuyến đường của thành phố quá tải. Thủ đô dường như bị bó chặt giữa những vòng tròn giao thông. Mọi biện pháp mà Chính quyền mới của ông S.Sobianin (Thị trưởng Moskva) đưa ra ở thời điểm hiện tại là đúng đắn: đường phố, bến đỗ, ga xe điện ngầm, các nút giao, chính sách hạn chế xây dựng... Song “vạch đỏ” không được nói ra, lượng ô tô vẫn không hạn chế, dòng người không giảm, liệu các biện pháp này có thể cải thiện tình hình giao thông của Thủ đô? Trong một giai đoạn nào đó thì có; nhưng trong tương lai đây lại là một vấn đề nan giải. Tại sao chúng ta không tính đến giao thông nhiều mức như thành phố Tokyo hay Osaka của Nhật Bản? Mở rộng đất đai là phương án đơn giản và xác đáng nhất đối với Moskva trong điều kiện hiện nay. Còn về giao thông, nếu đưa việc vận chuyển hàng hóa từ các đường vành đai cũ ra đường vành đai mới, thì kết cục có thể thấy trước: Moskva tiếp tục “phình to” theo hệ thống đường

tròn hướng tâm; và Thủ đô không thoát ra khỏi những “vòng tròn ma thuật”.

Hệ thống giao thông của một quốc gia, đặc biệt của khu vực trung tâm, sẽ xác định sự phát triển của quốc gia đó trong tương lai. Đã có rất nhiều kiến nghị, đề xuất tâm huyết đối với vấn đề giao thông của Moskva. Nhóm kiến trúc sư I.Lezhava, M.Khazanov và M.Shubenkov đề xuất phương án “thành phố đường thẳng mới”, trong đó tuyến đường giao thông chủ đạo cần kết nối ranh giới phía đông và phía tây, còn Moskva và Saint Peterburg (cũng như các thành phố lớn khác) được “treo” trên trục đó. Tính hợp lý của phương án thể hiện ở chỗ: dọc theo hệ thống - trong đó bao gồm cả hệ thống đường sắt cao tốc, đường sắt nội vùng và đường quốc lộ - cần bố trí chuỗi kho bãi thuế quan - logistic; và dọc theo chuỗi này là các xí nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có các tổ hợp công nông nghiệp. Khi đó, chỗ làm cho người lao động được hình thành đáng kể, tức là vấn đề phát triển không gian sống được cân bằng.

Từ thập niên 30 của thế kỷ trước, kỹ sư - kiến trúc sư N.Ladovsky đã đề cập tới phương án mở rộng theo đường thẳng của thành phố. Sơ đồ giao thông của Mỹ được xây dựng theo phương án này. Ai đã từng đi trên những con đường ở Mỹ đều không thể không nhận thấy các dải phân cách tới 200m. Người Mỹ vốn rất thực tế và biết suy xét - họ làm những con đường cho cả các thế hệ mai sau. Nước Nga đâu phải không đủ đất đai để thực hiện những điều tương tự! Song dường như người Nga vẫn chưa thể tìm ra lối thoát cho chính mình.

Tiếp theo, các cảng hàng không quốc tế và nội địa tại Moskva - Sheremechevo, Vnukovo và Domodedovo - cần tập trung vào việc chuyên vận chuyển hành khách. Điều này có thể giúp Moskva từ bỏ một số chức năng vận chuyển phức tạp và không cần thiết, giảm áp lực chức năng của một siêu đô thị.

Phát triển thành phố theo đường thẳng không phải là khả năng duy nhất hoàn thiện cơ

cấu của một thành phố. Tuy vậy, điều hiển nhiên là: Mô hình một trung tâm, sơ đồ đường tròn hướng tâm từ lâu đã không còn phù hợp, do đó rất cần sự chuyển đổi sang mô hình đa trung tâm.

Những đặc điểm của không gian sống trở thành yếu tố quan trọng nhất trong đời sống cũng như sự phát triển tương lai của đất nước. Các yếu tố liên quan tới giao thông đô thị nếu không được cân nhắc cẩn trọng, rất có thể sẽ biến Moskva thành một thực thể xâm lấn mà

cuộc sống bình thường của con người khó có thể chấp nhận. Cần làm sao để Moskva - thành phố gần 900 năm tuổi đã, đang và mãi là trung tâm chính trị và tinh thần của nước Nga; là nơi mà điều kiện sống của mỗi công dân được bảo đảm vững chắc.

S.Mindrul

Tạp chí Xây dựng & Kiến trúc Nga

tháng 10/2012

ND: Lê Minh

Tỉnh Hà Nam, Trung Quốc: 5 trọng điểm thúc đẩy xây dựng cộng đồng nông thôn mới

Hà Nam là một tỉnh lớn về nông nghiệp và dân số, tuy nhiên đất rộng người đông, mức độ đô thị hóa thấp lại luôn là những mâu thuẫn nổi cộm trong sự phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh này. Những năm gần đây, tỉnh Hà Nam đã lấy việc xây dựng cộng đồng nông thôn mới làm trọng điểm để giúp cho những người nông dân trong hoàn cảnh không rời đất, không rời quê hương thực hiện đô thị hóa tại địa phương, đồng thời nghiên cứu tìm ra một con đường mới cho phát triển thống nhất đô thị và nông thôn, thúc đẩy nhất thể hóa đô thị và nông thôn.

Tỉnh Hà Nam đã đưa cộng đồng nông thôn mới trở thành một cấp quan trọng trong hệ thống thành phố thị trấn hiện đại, từ đó hình thành hệ thống thành phố, thị trấn 5 cấp là thành phố trung tâm mang tính khu vực quốc gia, thành phố trung tâm khu vực, thành phố trung tâm huyện, thị trấn trung tâm và cộng đồng nông thôn mới. Hiện tại, việc xây dựng cộng đồng nông thôn mới đã được triển khai trong toàn tỉnh Hà Nam. Tính cho đến hết 6 tháng đầu năm 2012, toàn tỉnh đã quy hoạch gần 10 nghìn cộng đồng nông thôn mới, khởi động thí điểm gần 2 nghìn cộng đồng, sơ bộ xây dựng được khoảng 400 cộng đồng. Xây dựng cộng đồng nông thôn mới là một ý tưởng

mới, mục tiêu mới, thực tiễn mới, trong quá trình thực thi cụ thể cần phải có thái độ thiết thực, tích cực và ổn thỏa. Trong thực tiễn, cần nắm chắc 5 trọng điểm dưới đây:

I. Xuất phát từ thực tế, quy hoạch khoa học, thúc đẩy có phân loại

Tình hình các vùng nông thôn rất đa dạng và khác biệt, việc xây dựng cộng đồng nông thôn mới nhất thiết phải xuất phát từ thực tế, kiên trì nguyên tắc chỉ đạo phân loại. Cần xuất phát từ tình hình cụ thể của huyện, của làng, tổng hợp xem xét tới các nhân tố như vị trí, cơ sở kinh tế, ý nguyện của người dân... tại các vùng nông thôn, thực thi từng bước, từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời đối với những khu vực nông thôn khác nhau cần bám sát những trọng điểm khác nhau và lựa chọn những mô hình xây dựng khác nhau. Theo tình hình của tỉnh Hà Nam, đối với các làng thuộc thành phố, làng thuộc ngoại thành, các thôn xóm trong khu tập trung công nghiệp, nên đi theo hướng hòa nhập vào thành phố và thị trấn, nông dân trở thành người dân thành phố, căn cứ theo bố cục quy hoạch tập trung của thành phố hay thị trấn, xây dựng cộng đồng thành phố với quy mô tương đối lớn, thông qua cải tạo sáp nhập để thúc đẩy

kinh doanh đất đai với quy mô thích hợp, hỗ trợ nông dân tìm kiếm việc làm tại thành phố; đối với những làng nông nghiệp thuộc đồng bằng trung tâm tạm không có quy mô xây dựng tháo dỡ, cần lấy trọng điểm là xây dựng đất nông nghiệp màu mỡ theo tiêu chuẩn hiện đại hóa và phát triển công nghiệp hóa nông nghiệp hiện đại, thúc đẩy người dân nông thôn tập trung tại các huyện của thành phố và các thị trấn trung tâm, đồng thời dựa vào các làng có quy mô tương đối lớn, điều kiện tương đối tốt để từng bước xây dựng các cộng đồng nông thôn mới có quy mô trung bình; đối với những làng không thuận tiện cho sinh sống như các làng dọc theo các dự án lớn, làng thuộc khu vực có địa chất nguy hiểm đe dọa, làng thuộc khu sạt lở mỏ than, làng thuộc khu vực hồ chứa nước, làng thuộc khu bảo vệ tự nhiên, làng ven sông Hoàng Hà... cần lấy trọng điểm là cải thiện điều kiện sống của người nông dân, thực thi di chuyển toàn làng, xây dựng các cộng đồng nông thôn mới có quy mô tương đối nhỏ. Chính quyền các địa phương cần căn cứ điều kiện tự nhiên và mức độ phát triển kinh tế của các vùng, tôn trọng thực tế, quy hoạch khoa học, tìm kiếm các mô hình và phương pháp, biện pháp phù hợp với địa phương mình để thúc đẩy xây dựng cộng đồng nông thôn mới. Cần kiên quyết tránh đơn giản hóa mục tiêu, tương đồng hóa tiêu chuẩn và thành công nóng vội trong triển khai công tác, trong tiến độ xây dựng và quy mô xây dựng cần ngăn chặn đơn nhất hóa, hình thức hóa.

II. Tăng cường địa vị chủ thể của nông dân, tôn trọng ý kiến và bảo đảm quyền lợi của người dân

Hiện nay, cộng đồng nông thôn mới có liên quan mật thiết tới người nông dân, là nơi mà người nông dân sản xuất và sinh sống, nó có quan hệ mật thiết nhất, hiện thực nhất và trực tiếp nhất với đông đảo người nông dân, họ hiển nhiên là chủ thể trong việc xây dựng cộng đồng

nông thôn mới, vừa là chủ thể quyết sách, chủ thể xây dựng lại vừa là chủ thể lợi ích. Hết sức tôn trọng và làm nổi bật địa vị chủ thể của người nông dân, cố gắng phát huy tính tích cực của đông đảo người nông dân để họ phát huy đầy đủ tác dụng chủ thể là máu chốt trong xây dựng cộng đồng nông thôn mới. Cần kích thích và bảo vệ tốt tính tích cực của người nông dân, tôn trọng ý nguyện của người nông dân, xây dựng hay không xây dựng, xây dựng như thế nào, từ biên soạn quy hoạch, sắp xếp hạng mục, sử dụng tiền vốn cho tới tổ chức thực thi đều không thể do Chính quyền và làng đảm trách mà cần để cho quần chúng được tham gia một cách đầy đủ, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người dân, đồng thời căn cứ ý kiến của đa số người dân tiến hành sắp xếp hợp lý, thống nhất, bảo đảm đầy đủ quyền được biết, quyền quyết sách, quyền tham dự, quyền quản lý và quyền giám sát của người nông dân. Chính quyền các cấp cần lắng nghe ý kiến của quần chúng, đặt mình vào vị trí của người dân, quyết không thể tự ý làm chủ thay người nông dân, quyết sách thay người nông dân, càng không thể ra mệnh lệnh ép buộc...

Việc xây dựng cộng đồng nông thôn mới cần kiên quyết bảo vệ quyền lợi của người nông dân, bất kỳ hành vi nào xâm hại tới quyền lợi hợp pháp của người nông dân đều bị truy cứu theo pháp luật. Không chỉ cần làm tăng thu nhập sản xuất kinh doanh của người nông dân mà còn phải coi trọng bảo vệ hơn nữa quyền lợi của họ ở các phương diện như đất đai, tài sản, việc làm, bảo đảm xã hội và dịch vụ công cộng..., bảo đảm chắc chắn mức sống của người nông dân hiện tại được nâng cao, bảo đảm sinh kế dài hạn. Đất đai là tài sản lớn nhất, là bảo đảm xã hội quan trọng nhất của người nông dân và nó liên quan đến lợi ích căn bản của họ. Vì vậy, đặc điểm cơ bản trong việc xây dựng cộng đồng nông thôn mới là người nông dân không bị mất đất, kiên quyết tránh cướp đoạt biến tướng, tránh phát sinh các hiện tượng

xâm hại quyền lợi đất đai của người nông dân như vi phạm chiếm dụng hoặc buộc trưng dụng đất canh tác với giá thấp, không tôn trọng ý nguyện của người nông dân khi bắt họ chuyển quyền nhận thuê kinh doanh đất... Việc xây dựng cộng đồng nông thôn mới nhất thiết phải kiên trì một nguyên tắc, đó là: Luôn bảo vệ lợi ích của quần chúng nông dân, trong hoàn cảnh nào cũng không được xâm hại lợi ích của họ.

III. Tuân theo quy luật đô thị hóa, lượng sức tiến hành, làm theo khả năng và sức lực

Xây dựng cộng đồng nông thôn mới là phương hướng lớn phát triển nông thôn, tuy nhiên thúc đẩy xây dựng cộng đồng nông thôn mới không phải càng nhanh càng tốt, cũng không phải diện tích càng lớn càng tốt, cần xem xét đầy đủ tới tính lâu dài và tính phức tạp của nó. Phải tuân theo quy luật phát triển đô thị hóa, vừa phải dẫn dắt tích cực, tập trung thúc đẩy vừa phải xuất phát từ thực tế, lượng theo khả năng và sức lực. Cần xác định rõ, không phải tất cả các thôn xóm đều phù hợp xây dựng cộng đồng nông thôn mới, nơi không có điều kiện thì không thể làm mạnh, nơi không có sự nhận thức thống nhất trong quần chúng thì không thể thúc đẩy mạnh; một số khu vực nông thôn thích hợp ưu tiên thúc đẩy, một số khác cần tạm xây dựng chậm lại, còn có một số nơi không thích hợp đẩy mạnh xây dựng cộng đồng nông thôn mới; đối với địa phương có cơ sở phát triển kinh tế khá tốt, yêu cầu trong xây dựng cộng đồng nông thôn mới có thể cao một chút, tiến độ có thể nhanh một chút; đối với địa phương có mức độ phát triển kinh tế khá thấp, trọng điểm là phải chú trọng phát triển kinh tế, lựa chọn các biện pháp có hiệu quả, tạo điều kiện để địa phương phát triển, làm vững chắc cơ sở xây dựng cộng đồng nông thôn mới. Cần nhận thức đủ rằng xây dựng cộng đồng nông thôn mới là một quá trình dài và phức tạp, không thể thành công trong chốc lát, phải không ngừng kiên trì, vững bước thúc đẩy.

IV. Tăng cường cơ sở công nghiệp, đưa ra biện pháp thích hợp theo tình hình cụ thể của địa phương, phát triển tập trung

Cộng đồng nông thôn mới liệu có thể phát triển bền vững hay không, mấu chốt là liệu có sự phụ trợ của ngành công nghiệp hay không. Vì vậy, trong quá trình xây dựng cộng đồng nông thôn mới, các địa phương trong tỉnh Hà Nam đều coi phát triển công nghiệp là trọng điểm ưu tiên hàng đầu. Đối với một bộ phận khu vực nông thôn, phát triển công nghiệp còn nằm trong giai đoạn thăm dò hoặc bắt đầu, chỉ có thiết lập một cơ sở công nghiệp vững chắc thì mới có thể tạo sự bảo đảm vật chất đáng tin cậy cho công cuộc xây dựng cộng đồng nông thôn mới, phát huy thực sự tác dụng phụ trợ của ngành công nghiệp. Làm tốt cơ sở, trước hết dựa vào điều kiện phát triển khác nhau, tài nguyên khác nhau để lựa chọn con đường phát triển công nghiệp phù hợp với địa phương mình. Nguyên tắc cơ bản là phải phát huy đầy đủ thị trường như một biện pháp cơ bản trong bố trí tài nguyên, phát huy thế mạnh, tránh điểm yếu, phát huy ưu thế như thuận nông nghiệp thì phát triển nông nghiệp, thuận kinh doanh phát triển kinh doanh, thuận du lịch phát triển du lịch..., xây dựng hệ thống công nghiệp hiện đại mang bản sắc địa phương, kể đến thực hiện đô thị hóa nông thôn, công nghiệp hóa nông nghiệp, chuyên nghiệp hóa người nông dân. Điều cần đặc biệt chú ý là công nghiệp tập trung đã trở thành đặc trưng quan trọng trong phát triển công nghiệp của Trung Quốc, trong quá trình xây dựng cộng đồng nông thôn mới, phát triển xây dựng công nghiệp phải kết hợp thực tế của các địa phương, kết hợp nhu cầu phát triển đô thị hóa kiểu mới, kiên trì nguyên tắc phát triển chuyên sâu, phát triển tập trung, phát triển quy mô, phát triển bản sắc, các hạng mục công nghiệp chủ đạo tập trung tại các khu công nghiệp và khu tập trung công nghiệp, xây dựng với tiêu chuẩn cao, trình độ cao các khu tập trung công nghiệp. Trong quá trình phát triển

xây dựng cộng đồng nông thôn mới cần đảm bảo không làm mất đi nông nghiệp và lương thực, không làm tổn hại sinh thái và môi trường.

V. Chính quyền thúc đẩy, chính sách dẫn dắt, thị trường vận hành hoạt động

Xây dựng cộng đồng nông thôn mới cần làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất của nông thôn và phương thức sinh hoạt của người nông dân, là cuộc cải biến trọng đại và sâu sắc trong phương thức phát triển kinh tế xã hội nông thôn. Trong cuộc cải biến lớn này, chỉ dựa vào tính tích cực tự phát của quần chúng nông dân là không được, dựa vào các cơ quan chức năng có liên quan và bất kỳ tổ chức xã hội ngoài Chính quyền nào cũng không được, nhất thiết phải do Chính quyền dẫn đầu tổ chức đẩy mạnh lực lượng mọi nơi. Vì vậy, Chính quyền các cấp nhất định phải sát cánh đảm nhận nhiệm vụ trọng đại trong thúc đẩy xây dựng cộng đồng nông thôn mới, vừa tránh ôm đồm mọi việc, vừa phát huy tốt vai trò của tuyên truyền, dẫn dắt, quy hoạch và hỗ trợ. Hiện tại, nhìn từ góc độ thực tiễn xây dựng cộng đồng nông thôn mới tại Hà Nam, sự tiến triển của các địa phương không đồng đều, còn cách biệt khá lớn trong trình độ giải thích và mức độ khuyến khích của Chính quyền các cấp đối với xây dựng cộng đồng nông thôn mới, số đông quần chúng nhân dân còn nghi ngờ về cộng đồng nông thôn mới, không nhận thức được vấn đề quan trọng nhất trong xây dựng cộng đồng nông thôn mới hiện nay. Vì vậy, cán bộ lãnh đạo Đảng và Chính quyền các cấp phải thống nhất tư tưởng, nâng cao nhận thức, quyết không thể lý giải đơn giản về xây dựng cộng đồng nông thôn mới chỉ là làm nhà mới, xây làng mới, mà cần làm rõ, suy nghĩ rõ ràng vấn đề có liên quan. Chỉ có suy nghĩ rõ mới có thể nói rõ với quần chúng. Do có sự khác biệt về tình hình sinh sống, trình độ văn hóa, giác ngộ tư tưởng trong những người nông dân, cho nên sự nhận thức của họ đối với một vấn đề nào đó

cũng không giống nhau, vì thế các cơ quan Chính quyền và tổ chức cấp thôn cần thông qua dẫn dắt tư tưởng, dẫn dắt dư luận, dẫn dắt làm việc, lựa chọn các phương thức tiến hành tuyên truyền, giải thích và động viên, giúp quần chúng nông dân giải phóng tư tưởng, chuyển đổi quan niệm, thống nhất nhận thức, giúp họ nhận thức được xây dựng cộng đồng nông thôn mới là sự nghiệp của bản thân, là nhu cầu của bản thân. Ngoài ra, đối mặt với rất nhiều vấn đề khó khăn trong xây dựng cộng đồng nông thôn mới, nhu cầu bức thiết là Chính quyền cần nhanh chóng đẩy mạnh đổi mới thể chế, cơ chế, đưa ra các chính sách đồng bộ về tài chính, hoạt động tín dụng, đất đai, nhà ở..., phát huy tác dụng dẫn dắt của chính sách, điều động tích cực của quần chúng, thúc đẩy chuyển đổi việc cư trú của người nông dân từ phân tán sang tập trung, chuyển đổi từ thôn xóm sang cộng đồng, thúc đẩy dân số tập trung sống tại các cộng đồng nông thôn mới, tập trung sản xuất tại các khu tập trung, tập trung canh tác theo quy mô kinh doanh. Đặc biệt, đối diện với hiện trạng điều kiện tài chính có hạn của Chính quyền trong xây dựng cộng đồng nông thôn mới, thu nhập của các cư dân nông thôn không cao, cần tích cực tìm kiếm con đường vận hành thị trường hóa để giải quyết vấn đề khó khăn về vốn, thông qua vận dụng tổng hợp các chính sách ưu đãi như điều chỉnh đất đai..., dẫn dắt các doanh nghiệp có thực lực tích cực tham gia xây dựng cộng đồng nông thôn mới, giảm áp lực của Chính quyền và gánh nặng của người nông dân, hình thành bố cục đầu tư đa dạng.

Tổng Ca

Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 11/2012

ND: Kim Nhạn

Ý tưởng quy hoạch và xây dựng đường cao tốc ở thành phố Bắc Hải, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc

Giao thông không chỉ là nhu cầu cần thiết cho sự phát triển của đô thị, mà đòi hỏi nó phải phát huy được vai trò của mình, tích cực thúc đẩy đô thị thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển, đưa toàn bộ mạng lưới đường bộ trở thành hạ tầng quan trọng của quốc gia. Mặt khác, yêu cầu quy hoạch phải chủ động đáp ứng với nhu cầu phát triển giao thông, kịp thời đưa ra những phương pháp, hệ thống quy hoạch mới, trở thành công cụ dẫn đường quan trọng trong công tác xây dựng.

Bắc Hải là thành phố duy nhất nằm ở khu vực phía Tây Trung Quốc, đồng thời hệ thống giao thông bao gồm cả đường cao tốc, đường sắt, sân bay dân dụng và bến tàu, đây là những điều kiện khá tốt cho sự phát triển giao thông một cách toàn diện. Nội dung của bài viết này chủ yếu dựa trên kết quả phân tích tình hình phát triển đường giao thông ở thành phố Bắc Hải trong vài năm trở lại đây và thông qua phân tích hình dạng quốc lộ của thành phố Bắc Hải năm 2011, tác giả bài viết đã chỉ ra những điểm còn chưa đáp ứng so với sự phát triển đường giao thông của thành phố Bắc Hải, đưa ra những ý kiến đóng góp liên quan tới quy hoạch phát triển đường giao thông trong thời điểm hiện tại và tương lai cho thành phố này.

I. Hiện trạng đường giao thông tại thành phố Bắc Hải

1. Các tuyến giao thông đang được sử dụng

Đến cuối năm 2011, tổng số chiều dài đường giao thông đã đưa vào sử dụng trên toàn thành phố là 2.452 km, trong đó đường cao tốc là 111,4 km, đường quốc lộ cấp I là 73,3 km, đường quốc lộ cấp II là 172,8 km, đường quốc lộ cấp III là 146,4 km, đường quốc lộ từ cấp IV trở xuống là 1948,1 km. Tổng chiều dài các tuyến đường quốc lộ từ cấp II trở lên là 357,5

km, chiếm 14,6% tổng số chiều dài đường giao thông toàn thành phố.

Ở Bắc Hải, hiện có hệ thống đường cao tốc đi các tuyến tỉnh lộ chạy qua như đường cao tốc G75, quốc lộ 209, quốc lộ 325... Các tuyến đường chính tại Bắc Hải, chủ yếu có tuyến đường quốc lộ cấp I từ Bắc Hải đi Thiết Sơn, đường quốc lộ cấp II từ Bồ Bắc đi Doanh Bàn...

2. Các tuyến giao thông đang xây dựng

Bắc Hải đang thi công các tuyến đường cao tốc từ Ngọc Lâm đi Thiết Sơn Cảng với chiều dài là 43,8 km; tuyến quốc lộ cấp II từ Doanh Bàn đi Sạp Khẩu với chiều dài 20 km, tuyến đường cao tốc từ Quý Cảng đến Hợp Phố...

3. Những vấn đề còn tồn tại

Hiện kết cấu mạng lưới đường giao thông của thành phố Bắc Hải còn nhiều điểm chưa hợp lý, các tuyến quốc lộ từ cấp II trở lên chỉ chiếm 14,6% so với tổng chiều dài mạng lưới đường; kỹ thuật thi công đường giao thông trên toàn thành phố còn thấp, bố cục rời rạc, năng lực vận tải lưu thông còn yếu, kinh tế xây dựng và phát triển giao thông còn thiếu sự đồng bộ, chưa đáp ứng với sự phát triển toàn diện của khu vực. Số lượng, mật độ mạng lưới đường giao thông liên kết với bến cảng còn thấp, nên chưa đáp ứng được nhu cầu giao thông thủy bộ quy mô lớn, không đủ hỗ trợ khu kinh tế công nghiệp gần biển phát triển. Hiện khu công nghiệp Thiết Sơn Cảng chỉ có duy nhất tuyến quốc lộ cấp I Bắc Thiết là tuyến giao thông có thể đi ra bên ngoài khu vực, còn khu vực Thạch Bộ Lĩnh Cảng muốn ra khỏi bên ngoài khu vực phải chạy qua tuyến giao thông trong thành phố, giao thông đông đúc, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới chức năng vận hành của tuyến giao thông này. Cấp độ đường giao thông khu vực danh lam thắng cảnh còn thấp, chất lượng

kém, các cơ sở thiết bị an toàn và cảnh quan cây xanh chưa đáp ứng với nhu cầu, bất lợi cho sự phát triển ngành công nghiệp du lịch. Do còn thiếu các tuyến đường đi ra các tỉnh, thành phố, khu vực lân cận, nên dẫn đến mạng lưới giao thông của Bắc Hải không đạt hiệu quả trong việc liên kết toàn khu vực.

II. Mục tiêu và ý tưởng xây dựng

1. Ý tưởng xây dựng

Cùng với sự phát triển của các khu vực nằm trong thành phố Bắc Hải, cần ưu tiên những ngành công nghiệp, giao thông, tạo thuận lợi cho ngành du lịch phát triển, tiếp tục hoàn thiện xây dựng mạng lưới giao thông chính trong thành phố, ngoài thành phố và các tỉnh, đặc biệt cần mạnh mẽ thúc đẩy việc xây dựng mạng lưới giao thông trong phạm vi thành phố, từng bước hoàn thiện và hình thành mạng lưới giao thông hợp lý, tăng cường khả năng vận tải đường bộ, từ đó tạo ra một mạng lưới giao thông nhanh chóng, thuận lợi và hiệu quả.

2. Mục tiêu xây dựng

Trong thời gian 3 năm, từ 2012 - 2015, sẽ xây dựng thêm những trục đường quan trọng trong thành phố, nhằm tăng cường liên kết giữa Bắc Hải với khu kinh tế khác, nhanh chóng xây dựng các tuyến giao thông từ Bắc Hải đi Thiết Châu, Linh Sơn, Bồ Bắc chỉ mất một giờ đồng hồ, tuyến giao thông từ Bắc Hải đi Nam Ninh, cảng Phòng Thành, Ngọc Lâm chỉ cần 2 tiếng đồng hồ, từng bước nâng cao toàn bộ mạng lưới giao thông của Bắc Hải từ đường sắt, đường bộ, đường thủy cho đến hàng không thành một thể thống nhất và đồng bộ.

III. Phương án thi công

1. Thi công nút giao thông phía Đông, Tây Thiết Sơn Cảng

Để xây dựng và phát triển nút giao thông phía Đông, Tây Thiết Sơn Cảng, Cơ quan có thẩm quyền của thành phố Bắc Hải cần có kế hoạch nhằm tăng cường xây dựng thêm các

tuyến đường, hoàn thiện hệ thống giao thông cho khu vực này. Dựa theo tiêu chuẩn thi công đường cao tốc để cải thiện cho quốc lộ cấp I Bắc Thiết, từng bước hoàn thiện hạ tầng giao thông, đáp ứng với nhu cầu phát triển của khu công nghiệp Lâm Hải, nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực, thúc đẩy kinh tế phát triển. Đối với các tuyến giao thông tại trấn Doanh Bàn, Bắc Bài, cần thi công tuyến từ Doanh Bàn chạy qua bến Thạch Đầu đến trấn Sáp Khẩu, dựa theo tiêu chuẩn thi công đường lớn đô thị để thực hiện, từng bước hoàn thiện thi công hạ tầng giao thông khu công nghiệp Thiết Sơn Cảng, cải thiện tình hình giao thông khu vực này. Xây cầu bắc qua biển nối hai bờ Đông - Tây tại khu vực Thiết Sơn Cảng, tăng cường liên kết giao thông tại khu vực này hơn nữa, rút ngắn khoảng cách giao thông hai bờ, thúc đẩy khu công nghiệp Lâm Hải phát triển. Cải thiện đoạn đường từ Hợp Phố đi Thiết Sơn Cảng, cụ thể là nâng cấp tuyến quốc lộ cấp III lên thành tuyến quốc lộ cấp I, như vậy chạy qua thành phố Bắc Hải sẽ có tuyến giao thông đến huyện Hợp Phố, khu Ngân Hải, khu Thiết Sơn Cảng, đây là nút giao thông quan trọng liên kết thành phố với khu vực trung bộ; Ngoài ra, để thúc đẩy kinh tế vùng duyên hải và khu đô thị hóa thuộc thành phố Bắc Hải phát triển, đặc biệt là để thúc đẩy ngành nông nghiệp hiện đại vùng duyên hải phát triển cần phải có mạng lưới giao thông thuận lợi; tăng cường liên kết giao thông giữa huyện Hợp Phố với khu Thiết Sơn Cảng, thúc đẩy kinh tế khu vực Hợp Phố phát triển bền vững.

2. Thi công tuyến giao thông phía Bắc huyện Hợp Phố

Phía Bắc huyện Hợp Phố được tính từ thị trấn Tây Trường, chạy qua Tinh Đảo Hồ, Thạch Loan, Thường Lạc, Khúc Chương, cuối cùng là tiếp giáp với thị trấn Tùng Vượng thành phố Ngọc Lâm, tỉnh Quảng Tây, sau khi thi công xong, tuyến đường này sẽ hoàn thiện mạng lưới giao thông phía Bắc của Hợp Phố và một đoạn

giao thông quan trọng trong mạng lưới giao thông hướng Đông - Tây, nút giao thông ở cảng Đại Phong và nút giao thông đến Thành phố Ngọc Lâm sẽ được cải thiện, đặc biệt vừa thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển khu vực cảng, vừa liên kết các hương trấn trong khu vực lại với nhau.

3. Nâng cấp giao thông cho khu danh lam thắng cảnh

Để phát triển hơn nữa khu du lịch Tinh Đảo Hồ, Khúc Chương ở huyện Hợp Phố, cần thi công tuyến đường từ khu phát triển Kim Than thuộc thị trấn Thường Giang huyện Hợp Phố đến Tinh Đảo Hồ, dựa theo tiêu chuẩn thi công đường cấp I để thực hiện, như vậy sẽ cải thiện được điều kiện giao thông phía Tây Hợp Phố, tăng cường liên kết giao thông giữa Vịnh Liêm Châu và khu Độ Giả Tinh Đảo Hồ, thúc đẩy xây dựng phát triển khu kinh tế và khu du lịch. Dựa theo tiêu chuẩn thi công đường cấp I để thực hiện, thi công đoạn đường từ Công Quán đến Khúc Chương. Thông qua tuyến quốc lộ 325, thi công đường cao tốc từ Ngọc Lâm đến Thiết Sơn Cảng, cải thiện hạ tầng giao thông cho khu danh lam thắng cảnh Khúc Chương, thúc đẩy khu du lịch Khúc Chương phát triển.

IV. Kết luận

Theo kế hoạch 5 năm lần thứ 12 của Trung Quốc, vẫn duy trì thực hiện mở rộng và phát triển khu vực phía Tây, nhanh chóng phát triển Khu vực mậu dịch tự do Asian - Trung Quốc. Thành phố Bắc Hải là thành phố duyên hải quan trọng của tỉnh Quảng Tây, dựa vào những chính sách phát triển khu vực phía Tây và phát triển Khu vực mậu dịch tự do Asian - Trung Quốc, tích cực tham gia hợp tác kinh tế trong và ngoài khu vực, tận dụng vào ưu thế tài nguyên và vị trí địa lý của khu vực Bắc Hải, thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển lớn mạnh hơn nữa, chuyển toàn bộ những ưu thế đó thành ưu thế về kinh tế. Xây dựng một mạng lưới giao thông hoàn thiện và khoa học cho thành phố Bắc Hải, phục vụ cho mục đích hợp tác kinh tế và nâng cao hiệu quả giao thông trong khu vực.

Lí Lũy

Tạp chí Xây dựng Đô thị và Nông thôn

Trung Quốc số 7/2012

ND: Bích Ngọc

BỆNH VIỆN XÂY DỰNG KỶ NIỆM 58 NĂM NGÀY THẦY THUỐC VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2013



Thư trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu tại buổi Lễ



Thư trưởng Bộ Y tế Nguyễn Viết Tiến phát biểu tại buổi Lễ